

Nh ng tinh hoa 9 b sách h c c a các ông Nghè Ti n sĩ VN thu x a



Ngày x a b ng Đ ng T L a, ng i Á R p đ n Trung Hoa h c ngh in, ngh ch thu c sủng, r i Á R p đ y i các ngh đó cho ng i Âu. Ngày nay th k 20, Trung Hoa “h c” t M, Nga v nguyên t không gian... nh ng Trung Hoa v n luôn luôn đ phòng ch ng i âm m u có h i cho dân t c h t Nga M. Thì quá kh có giai đ n nào đó, t tiên ta đã “h c” đ o lý tri t h c t Trung Hoa cũng là chuy n bình th ng c a văn minh ti n b và các c cũng luôn đ phòng âm m u xâm l c, đ ng hóa c a Trung Hoa.

L ch s văn minh th gi i là h c h i nhau ti n b, sáng t o r i tiêu di t nhau. “Cá l n nu t cá bé”. Ch có lòng yêu n c, sáng su t, C ng Nhu đúng lúc m i t b o v đ dân t c s ng còn.

Qua tài li u tham kh o c a các s gia, các nhà Kh ng h c VN: Trung Qu c S C ng c a Phan Khoang, Vi t S Tân Biên c a Ph m Văn S n, L ch s Văn Minh Th gi i, L ch S Văn Minh Trung Hoa, Lu n Ng, Kinh D ch, Trung Dung, c a h c gi Nguy n Hi n Lê, Kinh Thi c a giáo s T Quang Phát đ ch gi i... xin ôn s l c ch ng trình giáo đ c cao đ ng ngày x a n c ta.

Tôi không dám phân tách phê bình m t ch đ văn hóa ph c t p sâu xa, mà ch cô đ ng s sài chia s vài nét căn b n v 9 môn h c chính c a các th h giám sinh (student) Vi t Nam (VN) đã tr i dài 850 năm đ n các b n tr h i ngo i. Th i y sau khi đ h ng c ng còn g i c nhân,

các ông ph_oi t_ip t_c h_c hành khó khăn thêm kho_ong 4 năm n_a, m_oi mong thành ông Nghè, Ti_n Sĩ. Ch_ong trình giáo d_c n_ong văn th_o, đ_o đ_c, lu_n lý, chính tr_o, xã h_oi... có ngu_n g_oc t_o Trung Hoa c_o. Đ_iu này không th_o ch_oi c_o đ_oc, đã đóng góp ph_on l_on cho văn hóa n_oc nhà. Các nhà khoa b_ong VN ngày x_a th_a bi_t đã tâm b_ong tr_ong đ_o qu_c nên h_on ghét chính sách đ_ong hóa c_oa các đ_o quy_n Trung Hoa, cũng ph_oi tr_on quý đ_o lý minh tri_t t_o các nhà t_o t_ong x_o s_o đó, các c_o g_oi là “đ_o Thánh Hi_n”.

Đ_ong th_oi qua s_o li_u g_oc t_o Trung Hoa s_o gi_oi thích s_o l_oc m_ot cách khách quan, th_oc m_oc c_oa gi_oi tr_o Vi_t di t_n: T_o xa x_a, tr_oc khi đ_on đ_onh c_o B_oc ph_on VN, t_o tiên ta sinh s_ong n_oi đ_ou? S_ong nh_o th_o nào? Nh_o các s_o li_u đó chúng ta s_o thông hi_u đ_oc m_ot s_o tâm tình t_o tiên qua ca dao thi nh_oc t_o 3000 năm tr_oc. Sau đó tìm hi_u các c_o đ_o h_oc đ_oc đ_ou chi t_o ng_oi Tàu đ_o xây đ_ong văn hóa, b_oo v_o x_o s_o? Song song, n_ou chúng ta bi_t thêm vài đ_ou đ_oc đ_oo l_och s_o Trung Hoa thu_o h_ong hoang c_o đ_oi cũng đ_o th_on ph_oc h_o, m_ot dân t_oc l_on l_ong gi_ong đã có m_ot n_on văn hóa c_o khá cao. Xin m_oi! Chúng ta cùng tìm hi_u s_o l_oc :

A - S_o l_oc Tr_ong Qu_c T_o Giám Thăng Long.

B - T_o Th_o Ngũ Kinh v_o trí nào trong r_ong t_o t_ong tri_t h_oc Trung Hoa?

C - Ngũ Kinh : Kinh Th_o, Kinh Thi, Kinh L_o, Kinh Xuân Thu, Kinh D_och

D - T_o th_o : Đ_oi H_oc, Lu_n Ng_o, M_onh T_o, Trung Dung

E - Vài đ_ou đ_om đ_oc đ_oo nh_ot, vài khuy_ot đ_om n_ong n_o

F - L_oi k_ot

T_o Th_o, Ngũ Kinh là 9 b_o sách kinh đ_on nhà Nho Trung Hoa. M_oi b_o là m_ot thiên đ_oo tri_t sâu xa, dành cho các nhà khoa b_ong thâm Nho Trung Hoa Vi_t Nam nghiên c_ou. G_on 9 th_o k_o liên t_oc Qu_c T_o Giám (QTG) Thăng Long và Hu_o dùng 9 b_o sách này làm các môn h_oc chính đ_oy các giám sinh (student) thi Đ_onh. Đ_o thi Đ_onh, k_o thi cao c_op cu_oi cùng c_oa n_oc ta thu_o x_a, t_ot nghi_op v_oi h_oc v_o (degree) Ti_n Sĩ - Ông Nghè - đ_oc vua tr_ong đ_ong b_ong nh_ong ch_oc v_o cao c_op nh_ot. Tr_oc khi tìm hi_u T_o Th_o Ngũ Kinh, chúng ta nên bi_t s_o l_oc tr_ong QTG Thăng Long và v_o trí T_o Th_o Ngũ Kinh trong r_ong t_o t_ong tri_t h_oc Trung Hoa.

A - Tr_ong Qu_c T_o Giám:

Là c_o s_o giáo d_c cao c_op, đ_oc xây đ_ong t_oi kinh đô Thăng Long năm 1075 đ_oi nhà Lý v_oi khoa thi H_oi đ_ou tiên có tên “Minh Kinh B_oc h_oc” (1). QTG đ_oc các vua n_oc Nam liên t_oc công nh_on h_oc v_o (degree) Ti_n Sĩ, m_ot trong vài đ_ou ki_on ngày nay b_ot bu_oc ph_oi có đ_o đ_oc coi là tr_ong Đ_oi h_oc (2). Đ_on năm 1919 nhà Nguy_on, QTG b_o th_oc dân Pháp đóng c_oa. Tr_ong

họ t đợc liên tếp 850 năm đào tếp o 3000 ông Tiếp n Sĩ.

Thuở xưa, sau khi đợc thi H&# ng, m&#i H&# ng C&# ng có h&#c v&# C&# Nhân, tài năng cũng đã danh nhân b&#c th&#y nh&# : văn hào Nguy&#n Du, nhà cách m&# ng Phan B&#i Châu, La S&#n Phu T&# vi&#n tr&#&# ng Vi&#n Sùng Chính (3)... các ông C&# ông C&# ng đ&#&#c ghi tên h&#c Qu&#c T&# Giám t&#i kinh đô Thăng Long đ&# ti&#p t&#c trau đ&#i kinh s&# thêm kho&# ng 5, 3 năm n&#a v&#i ch&#&# ng trình giáo đ&#c cao c&#p h&#n. T&# Thập Ngũ Kinh là 9 môn h&#c chính c&#a các năm này. Đ&#&#c chia làm 2 giai đ&#n: kho&# ng 2 năm đ&#u h&#c đ&# thi H&#i, kho&# ng 2 năm k&# h&#c ti&#p đ&# thi Đình. M&#i k&# thi Đình t&# l&# đ&# r&#t th&#p kho&# ng 5%, giám sinh đ&# đ&#u thi Đình g&#i là Tr&#ng Nguyên (4). Nh&# ng giám sinh đ&# k&# đó đ&#&#c g&#i Đình Nguyên, Tiếp n sĩ hay ông Nghè. Tùy th&# h&# ng đ&# cao th&#p, nhà Nguy&#n có thêm nhi&#u danh v&# đ&# ch&# h&#c v&# Tiếp n sĩ. Tên các ông đ&#&#c vua ra l&# nh ph&# bi&#n vinh danh kh&#&#p kinh đô. Tân khoa (graduates) đ&#&#c vua ra l&# nh cung c&#p ng&#a xe lính h&#u v&#ng l&# ng c&# qu&#t t&# kinh đô t&#ng b&#ng “vinh quy bái t&#” v&# làng đ&#&# ng s&# sinh s&# ng, đ&# ông Tiếp n Sĩ cảm &#n th&#y đ&#y, cha m&# k&# c&# v&# ho&#c hôn thê:

“M&#t mai chàng đ&# khoa thi....

... Ng&#a anh đi tr&#&#c v&#ng nàng theo sau”

Các ông Nghè tr&# thành nhà khoa b&# ng cao c&#p nh&#t ph&#c v&# đ&#t n&#&#c. Tiếp u s&# các ông đ&#&#c kh&#c vào bia đá l&#n đ&#t &# Văn Mi&#u (Temple Literature) truy&#n ngàn đ&#i đ&# con cháu t&#&# ng nh&# . Hi&#n nay h&#u h&#t các bia đá v&#n còn, ngo&#i tr&# bia vài ông b&# đ&#c b&# vì ch&# ng l&#i tri&#u đình, nh&# bia 7 ông Tiếp n Sĩ cu&#i đ&#i nhà Lê (5). B&#y ông Tiếp n Sĩ n&#y th&#y nhà Lê đã m&#c nát, trong khi nhà Thanh dòm ngó đ&#t B&#c Hà, các ông li&#n r&#i Thăng Long vào Hu&# theo ph&# B&#c Bình V&#&# ng Nguy&#n Hu&# đ&# ti&#p t&#c ph&#ng s&# đ&#t n&#&#c m&#t cách đúng đ&#n. Các ông th&#a hi&#u h&#c thành tài đ&# ph&#ng s&# đ&#t n&#&#c, không ph&#i ph&#c v&# cho m&#t dòng h&#.

B - Đ&#i c&#&# ng T&# Thập Ngũ Kinh &# trí nào trong r&#ng t&# t&#&# ng tri&#t h&#c Trung Hoa?

Tri&#t h&#c Trung Hoa th&#i th&#&# ng c&#, trung c&# r&#t phong phú, t&# t&#&# ng sâu s&#c, nhi&#u h&#c phái mâu thuẫn đ&#i kháng nhau, nh&# ng h&#u h&#t đ&# ng có m&#u s&# chung: Nhân b&#n và ch&# tr&#&# ng đ&#o đ&#c đ&# an bình xã h&#i. Tri&#t h&#c phát tri&#n trong dân gian Trung Hoa r&#t m&# nh. Ngoài Nho gia v&#i T&# Thập Ngũ Kinh, còn có nh&# ng h&#c phái khác cũng phát tri&#n r&#c r&#.

- Đ&#o gia: Lão T&#, Trang T&# ... chú tr&#ng đ&#o đ&#c đ&# tu h&#c. Vài đ&#n trong Đ&#o Đ&#c Kinh

khuyến con ng_ho i nên gi_ong nh_o n_ho c. “N_ho c phá đ_oc thành, h_oy đ_oc l_oa, sau đó n_ho c l_oi ch_oy v_o ch_o tr_ung, ch_o th_op nh_ot”. Có nghĩa khi c_on con ng_ho i nên m_onh b_oo, vũ bảo nh_o n_ho c, sau đó tr_o v_o đ_oi s_ong bình th_ong ph_oi khiêm nh_ong nh_o n_ho c (6)

- Ph_ot gia, t_o tr_oc công nguyên các tăng l_o Ph_ot giáo _on Đ_o truy_on đ_o vào Trung Hoa, đ_on th_o k_o th_o 7 đ_oi nhà Đ_ong, tăng l_o Trung Hoa Tr_on Huy_on Trang (t_oc Tam T_ong) qua _on Đ_o tu h_oc 18 năm tr_o v_o Hàm D_ong, ông đ_och h_ong ngàn kinh Ph_ot t_o ch_o Ph_on. Ông ph_o bi_on tri_ot lý đ_o Ph_ot: Cái nhân gieo ra s_o ph_oi nh_on cái qu_o. Không ch_o riêng ki_op này cái qu_o v_on t_on t_oi và x_oy ra _o các ki_op k_o ti_op. Cu_oc đ_oi con ng_ho i là b_o kh_o phát sinh t_o lòng đ_oc. Đ_o tìm bình an cho tâm h_on, an bình cho xã h_oi, đ_oo Ph_ot đ_oy m_oi ng_ho i di_ot đ_oc, di_ot tham sân si. Đ_oi s_ong càng ít nhu c_ou càng đ_o tìm th_oy h_onh phúc (ch_o s_o l_oc tri_ot lý không đ_o c_op giáo lý). Sau ông còn nhi_ou tăng l_o Trung Hoa sang _on Đ_o th_onh kinh tu h_oc nh_ong ông Trang n_ho i ti_ong nh_ot. Vì là tăng l_o đ_ou tiên đ_on _on và khi qua đ_oi ông đ_o l_oi cho h_ou th_o m_ot kho tàng vĩ đ_oi không nh_ong v_o tri_ot lý đ_oo Ph_ot, mà còn nhi_ou b_o sách ghi chép ki_on th_oc, s_o đ_oa, phong t_oc, xã h_oi đ_oa ph_ong th_oi b_oy gi_o trên đ_ong đ_oi đ_ong v_o. Ông đ_on _on Đ_o, r_oi tr_o v_o Tàu b_ong 2 đ_ong khác nhau. Ông cũng đ_oc xem là nhà thám hi_om l_on c_oa Trung Hoa.

- Ki_om ái: M_oc T_o ... H_oy yêu th_ong m_oi ng_ho i nh_o yêu chính mình (gi_ong Đ_oc Giêsu). Ông là tri_ot gia có lòng qu_ong đ_oi v_o tha nh_ot trong các tri_ot gia Trung Hoa.

- Ph_op gia: Tu_on T_o, Hàn Phi quan ni_om “Nhân chi s_o tính b_on ác”. B_on ch_ot con ng_ho i tham lam ích k_o, c_on giáo đ_oc. Đ_ong nói chuy_on v_o tha nhân nghĩa v_oi k_o ác. Xã h_oi ph_oi chú tr_ong lu_ot pháp và t_ot c_o m_oi ng_ho i bình đ_ong tr_oc pháp lu_ot. V_oy Ph_op gia có l_o thiên v_o chính tr_o h_on tri_ot? Đ_on hình: Hàn Phi, Lý T_o cùng h_oc trò Tu_on T_o, chính cu_oc đ_oi 2 ông cũng ch_ong mình hùng h_on, nhân chi s_o tính b_on ác c_oa k_o nhi_ou tham v_ong chính tr_o. C_o 2 cùng làm quan l_on t_ot đ_onh đ_oi T_on Th_oy Hoàng, cùng c_o v_on pháp lu_ot, _on đ_onh xã h_oi giúp vua T_on th_ong nh_ot và tr_o n_ho c. Vì đ_om mê khanh t_ong c_o 2 cùng b_o gi_ot b_oi nhau (7).

Còn nhi_ou h_oc thuy_ot khác: duy lý, duy tâm, duy v_ot, vô th_on ho_oc thiên khoa h_oc...

Quan ni_om ng_ho c v_oi Ph_op gia là Nho gia: “Nhân chi s_o tính b_on thi_on”. B_on ch_ot con ng_ho i là t_ot, ch_o c_on giáo đ_oc nhân tâm cho nhân dân, nh_ot là giáo đ_oc vua quan đ_o vua quan h_ong đ_on l_oi dân chúng, ch_oc ch_on xã h_oi s_o t_ot đ_op mà không c_on dùng vũ l_oc, pháp lu_ot. Có th_o nói 2000 năm l_och s_o, Trung Hoa đã g_on li_on v_oi Nho gia và Nho gia là Trung Hoa.

Nho gia v_à i nh_à ng sáng l_à p viên, tr_ở c_ả t Kh_ong T_o (8) M_ành T_o, Tăng Sâm quan ni_{êm} m: Vũ tr_ở đã có tr_ở t t_o (t_o Kinh D_ịch) thì con ng_{ười} i s_{ống} trong gia đình xã h_{ội} i cũng ph_{ải} có tôn ti tr_ở t t_o đ_ể ng b_{ên}. Hai con c_ả p không th_ể cùng làm chúa t_o s_{ống} hòa bình trong m_{ột} khu r_{ừng}. Các ông ch_ỉ tr_ởng: B_{ên} t k_ể t_o ch_ỉ c l_à n nh_à nào, t_o gia đình đ_ể n qu_ả c gia ph_{ải} i có và ch_ỉ có 1 ng_{ười} i lãnh đ_ể o toàn quy_{ền} n. T_o đ_ó v_à i qu_ả c gia, ông ch_ỉ tr_ởng: tr_ởng chính danh. Vua là th_ể thiên hành đ_ể o, m_à i ng_{ười} i ph_{ải} i kính tr_ởng vua. Vua ra vua, quan ra quan, dân ra dân. Ng_{ười} i cha là ch_ỉ gia đình, v_à ph_{ải} i kính tr_ởng ch_ỉ ng (9), con kính tr_ởng cha. Không có bình đ_ể ng gi_ữ a vua, quan, dân; không bình đ_ể ng gi_ữ a v_à ch_ỉ ng, nam n_ữ, tu_{ổi} i tác. Đ_ể g_{ìn} gi_ữ tr_ở t t_o xã h_{ội} i, dù vua hay cha m_à sai trái n_ữ ng n_ữ, Nho gia không có c_ả quan c_ả a dân “ki_{ếm} soát” vua, cũng nh_ư không ch_ỉ p nh_à n con cái “s_ợ a sai” cha m_à. Đ_ó là ch_ỉ tr_ởng chính y_{ếu} u c_ả a Kh_ong T_o cho phù h_{ợp} v_à i tr_ở t t_o vũ tr_ở t_o Kinh D_ịch. B_{ên} n ph_{ải} n ng_{ười} i dân, nh_à t là nam nhân ph_{ải} i h_à c hành, tu luy_{ên} đ_ể o đ_ể c trong gia đình, sau đ_ó tham gia chính tr_ở, ph_{ải} c v_à xã h_{ội} i đ_ể t n_ữ c: “Tu thân, t_o gia, tr_ở qu_ả c, bình thiên h_à”. H_à n 2000 năm sau, T_ong Th_ong Kennedy M_à qu_ả c cũng đã khuy_{ên} khích dân M_à b_{ên} ng m_à t câu n_ữ i ti_{ên} ng t_ong t_o: “Đ_ể ng đòi h_à i xã h_{ội} i đã làm gì đ_ể c cho anh, hãy t_o h_à i anh đã làm đ_ể c gì cho xã h_{ội} i”.

Nh_à ng quan ni_{êm} m tri_{ết} lý đ_ể o đ_ể c: danh d_{anh}, t_o tr_ởng, nhân, nghĩa, l_à, trí, tín, hi_{ếu} u, ki_{ếm}, th_ể, d_{ũng}, trung (dung), trung thành, li_{ên} s_{ống}, quân s_{ống} ph_{ải}, trung quân ái qu_ả c, tam c_ả ng ng_{ười} th_ể ng, tam tòng t_o đ_ể c... G_{ọi} chung là “đ_ể o làm ng_{ười} i”, đ_ể o c_ả a ng_{ười} i quân t_o đ_ể c Kh_ong T_o và các th_ể h_à nhà Nho phân tách, h_à th_ể ng hóa ch_ỉ a đ_ể ng trong T_h Ngũ Kinh.

Sách Trung Dung, đ_ể n nay v_à n còn có giá tr_ở cao: “Đ_ể u gì không mu_{ốn} n ng_{ười} i ta làm cho mình, thì đ_ể ng làm cho ng_{ười} i ta”. Sách d_{ạy} cách “c_ả ng quy_{ết} t” làm m_à t vi_{ết} c gì, nh_à ng bài bác c_ả c đoan, quá khích, trung dung cũng không có nghĩa ba ph_{ải} i. “H_à ng th_ể m th_ể i h_à ng chóng phai, thoang tho_{ang} ng hoa nhài m_à i l_à i th_ể m lâu”. Đ_ó là thuy_{ết} t t_o ng đ_ể i theo quan ni_{êm} m Á Đông.

Ngũ Kinh đ_ể c quân quy_{ền} n Trung Hoa công nh_à n và đ_ể a vào giáo d_{ục} đ_ể i Hán Vũ Đ_ể th_ể k_ể th_ể 2 bc năm 111bc (10). M_à i th_ể k_ể sau, T_h đ_ể c đ_ể a vào giáo d_{ục} đ_ể i nhà Đ_ể ng th_ể k_ể th_ể 8 ad. T_h t_o ng T_h cũng là nh_à ng l_à i gi_ữ ng thuy_{ết} t c_ả a Kh_ong T_o, do các Nho gia s_{ống} sau Kh_ong T_o lu_{ôn} n thuy_{ết} t. Ngũ Kinh đ_ể t n_ữ ng l_à ch s_{ống}, T_h đ_ể t n_ữ ng tri_{ết} h_à c đ_ể o làm ng_{ười} i đ_ể đ_ể u hành xã h_{ội} i, chính tr_ở trên n_ữ n t_o ng v_à ng đ_ể o. Sau đ_ó đ_ể n th_ể k_ể 12 ad, T_h đ_ể c Chu Hy hi_{ếu} u đ_ểnh l_à i. Nhà Minh, nhà Thanh dùng T_h do Chu Hy hi_{ếu} u đ_ểnh.

V_à i Đ_ể i Vi_{ết} (11), Ngũ Kinh đ_ể c đ_ể a vào giáo d_{ục} t_o đ_ể i nhà Lý (1075) khi thành l_à p Qu_ả c T_o Giám. T_h (b_{ên} n g_{ọc}, không ph_{ải} i c_ả a Chu Hy) đ_ể c đ_ể a vào giáo d_{ục} đ_ể i nhà Tr_ở n (1232), khi vua Tr_ở n m_à khoa thi Đ_ểnh đ_ể u tiên, thi đ_ể g_{ọi} i Thái h_à c sinh, t_o ng đ_ể ng Ti_{ên} n sĩ.

Theo th i gian l ch s , chúng ta nên bi t s l c Ngũ Kinh tr c.

C - Ngũ Kinh là 5 b sách: Kinh Th , Kinh Thi, Kinh L , Kinh Xuân Thu và Kinh D ch:

Ngũ Kinh k đ n tích l ch s , giao t , xã h i, tri t h c, đ cao đ o lý. Ý ni m Ngũ Kinh có tr c Kh ng T sinh ra (550 bc) hàng ngàn năm, đ n Kh ng T có công s u t m, phân tách, nghiên c u, hi u đ nh, h th ng hóa (edit, editor), ch nhà Nho g i là san đ nh. Nên đ i sau th ng xem Ngũ Kinh c a Kh ng T . Sau khi ông m t nhi u th k , Ngũ Kinh v n b đ quy n Trung Hoa dèm pha không dùng, T n Th y Hoàng (220 bc) đ t Ngũ Kinh. Vua Hán Cao T (L u Bang khai sáng nhà Hán năm 200 bc) có l n nói: “Ta ng i trên mình ng a tóm thu thiên h có c n h c Kinh Thi, Kinh Th đầu. B n h c trò ch là ph ng giá áo túi c m”. Sau đó ông cũng bi t: Ng i trên mình ng a không th “tr” đ c thiên h . Đ n m t lúc vua quan Trung Hoa sáng m t, khám phá ra Ngũ Kinh là khí gi i s c bén đ b o v uy quy n cho ch đ quân ch chuyên ch . Kh i đ u, năm 111 bc vua Hán Vũ Đ (cháu 4 đ i Hán Cao T L u Bang) đ a Ngũ Kinh vào ch ng trình giáo d c (nh đã nói).

Đúng ra Kh ng T vi t đ c L c Kinh, không ph i ch Ngũ Kinh. Kinh Nh c b T n Th y Hoàng (220 bc) đ t cháy g n h t ch còn ch ng cu i, có ng i ch p l i đ m v c t gi u.

Kinh Th và Kinh Thi ghi chép nhi u đ ki n liên h l ch s ngu n g c dân t c Vi t nh t. Các s gia VN th ng trích s li u t 2 Kinh n y đ tìm hi u ngu n g c dân Vi t ngày nay.

1 - Kinh Th : Theo “Vi t s Tân Biên” (trang 35, 36) c a s gia Ph m Văn S n (Đ i Tá Tr ng ban Quân S B TTM/ Quân L c VNCH). Kinh Th là b s do Kh ng T ghi chép t đ i vua Nghiêu, Thu n đ n cu i đ i Tây Chu (năm 2500bc đ n 770 bc). Th i kho ng l ch s c a Kinh Th , v i ta là th i k truy n thuy t 18 đ i vua Hùng, nh ng Kinh Th không nói chi v 18 đ i Hùng V ng. Trong Kinh Th , Kh ng T v đ a gi i t c Hán t c nhà Chu và các ch h u. Ông cũng “v” đ a gi i các b t c KHÔNG ph i t c Hán i phía b c, nam Trung Hoa. Đo n s u t m sau đây, ch ph t s c s Trung Hoa, nh ng s nói rõ v c s các b t c Man Di (không ph i t c Hán) i phía nam Hán t c t Kinh Th :

Thu y, t c Hán sinh s ng, t o thành nhi u n c ch h u cho Tây Chu (12) i quanh qu n l u v c sông Hoàng Hà. Phía b c t c Hán: r Xích Đ ch (ti n thân r H v sau), r Tây Nhung, S n Nhung (sau đó b đ ng hóa thành ng i Hán, m t tên). Phía nam, t sông Hoài xuôi nam

ngang qua l_u v_oc Tr_ong Giang t_oc sông D_ong T_o (13) đ_on phía nam 5 dãy núi Ngũ Lĩnh (H_o Nam, Giang Tây, Phúc Ki_on) là đ_ot s_ong c_oa nh_ong dân t_oc Man Di có tên: Giao Ch_o, Bách Vi_ot, Mân Vi_ot, Vi_ot Th_ong (14) (m_oi xem b_on đ_o 1, 2). Kinh Th_o ghi nh_on: Ng_oi Giao Ch_o có 2 ngón chân cái giao nhau hình ch_o L (15). Các b_o t_oc Man Di có 4 đ_oc đi_om: xâm mình, c_ot tóc ng_on, hay khoanh tay và cài áo bên ph_oi (lúc y H_on t_oc cài áo _o gi_oa). H_o làm ngh_o ch_oi l_oi sẵn b_on, th_ong sinh s_ong g_on ao h_o sông bi_on, ven r_ong. Tính tình gi_ong Man Di: chăm ch_o làm vi_oc, thích hòa bình, khi c_on không s_o ch_ot. “Văn hóa khác h_on H_on t_oc”. Đã b_o ch_o man di nh_ong v_on có “văn hóa” có nghĩa h_o v_on ch_o ta đ_oy.

V_oi ki_on th_oc nông c_on, tôi nghĩ: Ch_o “man di” ch_ong có gì đáng bu_on! M_oi l_ot “S_o Th_o Gi_oi” cách đây 3000 năm có bao nhiêu b_o t_oc man di? Bao nhiêu dân t_oc có văn hóa?

Đ_o đ_o tìm ngu_on g_oc VN, ng_oi Vi_ot không nên “gi_on” ch_o man di. Chúng ta c_o xem Man Di là danh t_o riêng ch_o các b_o t_oc không ph_oi H_on t_oc _o phía nam sông Hoàng Hà (t_oc là t_o sông Hoài xuôi v_o Nam ngang qua 2 bên l_u v_oc sông D_ong T_o, r_oi c_ong v_o Hoa Nam) (16)

S_o gia VN đem đ_oi chi_ou c_o th_o này v_oi đ_oa lý, thì các gi_ong Man Di s_ong _o các t_onh Phúc Ki_on, H_o Nam, H_o B_oc, Chi_ot Giang g_on h_o Đ_ong Đ_onh có núi Ngũ Lĩnh (l_u v_oc phía nam sông D_ong T_o). Đ_ou này ch_ong khác chi truy_on thuy_ot Hùng V_ong “Con R_ong Ch_ou Tiên”, xu_ot x_o t_o Đ_oi Vi_ot S_o Ký c_oa s_o gia Ngô Sĩ Liên th_oi nhà Lê, chúng ta đã h_oc th_oi trung ti_ou h_oc VNCH: Vua Đ_o Minh cháu 3 đ_oi vua Th_on Nông (17) đi tu_on thú ph_ong nam đ_on núi Ngũ Lĩnh g_op nàng tiên, l_oy nhau sinh ra L_oc T_oc. L_oc T_oc làm vua, hi_ou Kinh D_ong V_ong (18). Kinh D_ong V_ong l_oy con gái vua Đ_ong Đ_onh h_o là Long N_o sinh ra L_oc Long Quân, L_oc Long Quân l_oy Bà Âu C_o sinh ra 1 b_oc có 100 tr_ong n_o 100 con (Bách Vi_ot) 50 con theo m_o lên núi (thành ng_oi th_ong du sau này?) 50 con theo cha xu_ong bi_on (có nghĩa xu_ong đ_ong b_ong thành ng_oi kinh). L_oc Long Quân phong cho con tr_ong (_o đ_ong b_ong) làm vua Hùng V_ong th_o 1. Vua Hùng đ_ot tên n_oc Văn Lang. Chúng ta nghe các đ_oa danh quen thu_oc: H_o Đ_ong Đ_onh, núi Ngũ L_onh và tên vài b_o t_oc quen thu_oc: Bách Vi_ot, Giao Ch_o.

Tuy Kinh Th_o không nói chi v_o n_oc Văn Lang và 18 đ_oi vua Hùng, nh_ong Kinh Th_o nói rõ: Dòng D_ong T_o là “Ngu_on s_ong” c_oa t_oc Giao Ch_o và gi_ong Man Di, tr_oc c_o H_on t_oc t_o ph_ong B_oc tràn xu_ong sông Hoàng Hà. Đây là nh_ong tài li_ou quý c_oa ngo_oi qu_oc (khách quan) mà s_o ta l_on s_o Âu M_o th_ong dùng đ_o đi tìm hi_ou ngu_on g_oc 2 dân t_oc Tàu, Vi_ot.

S_o gia T_o Mã Thiên: Đ_on th_o k_o th_o 6 bc gi_ong Man Di _o l_u v_oc D_ong T_o đã di c_o v_o Hoa Nam, k_o _o l_oi b_o đ_ong hoá (H_on hoá) tr_o thành các n_oc S_o, Ngô, Vi_ot (19). Và tr_oc tây l_och

dân cố Quốố ng Đông, Quốố ng Tây, đố o Hố i Nam và Bố c phố n VN cùng mố t nguố n gố c không liên hố gồ Hán tố c có tên Bách Viố t (Viố t Nam Sốố Lốố c cố a Trố n Trố ng Kim trang 29). Do đó ai nghĩ rố ng: Ngốố i Viố t do ngốố i Tàu mà có. Không đúng! Càng trố t xa hố n đốố i mố t nhà khoa hố c: Hán tố c có gố c Mông gồ lích tố sa mố c Gobi. Còn hố u hố t ngốố i Viố t ngày nay và giố ng Man Di thuố xố a có gố c Anh đô nề diềng tố vùng Đa đố o (Polynesia) Thái Bình Dốố ng di cố vào (cùng gố c Mã Lai) Á châu. Thố i kố Băng Giá Cuố i Cùng (The Last Ice Age, cách đây khoố ng 15 ngàn năm) giố a Đa đố o và Á châu gố n nhố là đố t liố n. (Trích tố sách Bangsa Champa, trang 236, tác giố Dohamide, ngốố i Viố t gố c Chiêm Thành.)

Anh đô nề diềng, Mông gồ lích là thuố t ngốố cố a giốố cố số VN tố đố u thố kố 20, không phố i ngôn ngố Hà Nố i. Chố khoa hố c Giganpithèque là Anh đô nề giềng gố c Mã Lai và Sinanthrope Ngốố i Vốố n Bố ức Kinh (20) là Mông gồ lích gố c Mông Cố.

4000 năm 2 dân tố c Hán Viố t sốố ng gố n gố i, tố t nhiên mố t sốố ngốố i Viố t ngày nay phố i có lai giố ng vố i Hán tố c, cũng nhố mố t sốố ngốố i tố c Hán đã lai giố ng vố i các tố c Man Di vố y.

Mố i bố n đố c tiố p Kinh Thi đố biố t thêm tâm tình các bố tố c Man Di, Giao Chố, Bách Viố t.

2 - Kinh Thi: Theo “Trung Quốố Sốố Cốố ng” cố a Phan Khoan: Đố i nhà Chu (1000 năm bc) các vua Trung Hoa đố t các quan Thái Sốố số u tố m 3000 bài thố cố (ca dao) trong nhân gian và nhố ng bài thi nhố c cung đình tố trốố c đố, xố p thành 1 tố p sách gố i là Kinh Thi. Đố n Khố ng Tố, ông chố n lố a chố giố 300 bài tuyố t tác nhố t, cũng đố tên Kinh Thi.

“Trung Quốố Sốố Cốố ng” cuố n sốố giáo khoa trung hố c VNCH, sốố gia Phan Khoan muố n ngốố n gố n đố hố c sinh đố hiố u, đố nhố, nên ông vố n tố t. Thố t sốố Kinh Thi (sau khi Khố ng Tố chố n lố a) gố m hố n 300 thiên, mố i thiên gố m nhiố u chốố ng, mố i chốố ng gố m nhiố u bài thố cố cố a 15 chố hố u lố n nhà Chu. Lúc ý nhà Chu có cố trăm chố hố u, hố u hố t diố n tích chố bố ng vài làng xã nốố c ta, mố i chố hố u có triố u đình riêng, quân đố i riêng. Có nghĩa Kinh Thi khi chố a chố n lố a có đố n 3000 thiên.

Kinh khố ng cho văn hóa mố t xốố sốố 3, 4000 năm trốố c. Đáng phố c thay!

NhiĐ u hĐ c giĐ Trung Hoa nói: ChĐ a bao giĐ KhĐ âng TĐ nhĐ n đã san đĐ nh Kinh Thi, nhĐ ng vì đĐ o lý cĐ a Kinh Thi cũng là đĐ o lý KhĐ ng TĐ và các tiên nho thì bá nĐĐ c ta vĐ sau đĐ u gĐ n cho KhĐ ng TĐ san đĐ nh Kinh Thi. VĐ y cĐ theo gĐĐ ng ông cha cho tiĐ n viĐ c sĐ sách, chúng ta coi Kinh Thi là cĐ a KhĐ ng TĐ. Ngoài ca dao thĐ phú tĐ tình tĐ cĐ nh, Kinh còn có nhĐ ng phân tách khen chê cĐ a KhĐ âng TĐ đĐ rắn đĐ i. Kinh Thi bĐ ng QuĐ c ngĐ ã do các hĐ c giĐ VN đĐ ch giĐ i còn đĐ y hĐ n, ngoài viĐ c ghi nguyên bĐ n chĐ Hán cĐ còn đĐ ch nghĩa, đĐ ch ý chĐ QuĐ c ngĐ

4000 năm thiên nhiên vĐ t thĐ đĐ i đĐ i, vĐ thĐ lăng mĐ n tiĐ n bĐ ý tĐ sâu sĐ c hĐ n. Còn tình cĐ m ngĐĐ i xĐ a, ngĐĐ i vĐ i ngĐĐ i, vĐ i xóm làng, vĐ i quê hĐĐ ng có khác gì ngày nay không? Kinh Thi nói vĐ các tình cĐ m đó, giĐ a vĐ chĐ ng yêu thĐĐ ng, trai gái hĐ n ghen vui giĐ n, bĐ n bè quý mĐ n cĐ n nhau, vua quan hĐ p tác phĐ c vĐ hay chĐ ng báng nhau. Ca dao lĐ i thĐ mĐ c mĐ c, chân thĐ t, uyĐ n chuyĐ n hàm súc, vĐ a biĐ u tĐĐ ng đĐ i sĐ ng dân gian ngày xĐ a, vĐ a giáo đĐ c nhân dân đĐ i sau bĐ ng đĐ o lý. Qua Kinh Thi ngĐĐ i ta biĐ t tính tình ngĐĐ i dân, phong tĐ c xã hĐ i tĐ ng đĐ a phĐĐ ng Hán tĐ c và các chĐ hĐ u thĐ i thĐĐ ng cĐ vĐ i thĐ nh suy bĐ i chiĐ n tranh, thanh bình. Có thĐ trong Kinh Thi có cĐ ca dao các bĐ tĐ c Man Di, sĐ phân tách kĐ đĐ n.

MĐ i bĐ n trĐ VN đĐ c tiĐ p sĐ khám phá nhiĐ u thú vĐ : 13 trong sĐ 15 chĐ hĐ u nhà Chu có ca dao trong Kinh Thi đĐ u Đ phía Tây, phía BĐ c và phía ĐĐ ng nhà Chu, hĐ u hĐ t hĐ là tĐ c Hán. ChĐ 2 “chĐ hĐ u” còn lĐ i là Chu Nam, ThiĐ u Nam Đ phía nam nhà Chu, là tĐ c Hán chăng? ChĐ t nhĐ tĐ i Kinh ThĐ , tôi thĐ c mĐ c: hoĐ c là giĐ ng Man Di?

Xin nhĐ c lĐ i Kinh ThĐ (đã trình bày bên trên) KhĐ ng TĐ nhiĐ u lĐ n xác đĐ nh rõ rĐ t:

1- Phía nam tĐ c Hán (nhà Chu và các chĐ hĐ u) là các bĐ tĐ c Man Di (không phĐ i tĐ c Hán).

2- Rõ ràng hĐ n: TĐ c Hán chĐ Đ lĐ u vĐ c sông Hoàng Hà (Hoa BĐ c). TĐ c Man Di sinh sĐ ng tĐ lĐ u vĐ c sông Hoài đĐ n phía nam núi Ngũ Lĩnh (Hoa Nam). Có nghĩa 2 lĐ u vĐ c TrĐĐ ng Giang (sông ĐĐĐ ng TĐ) chĐ y ngang hĐĐ ng đĐ ng tây Đ ngay giĐ a đĐ a phĐ n ngĐĐ i Man Di gĐ m các bĐ tĐ c Giao ChĐ , Bách ViĐ t, ViĐ t ThĐĐ ng, Mân ViĐ t... Hai xác đĐ nh cùng mĐ t ý.

Theo các hĐ c giĐ Trung Hoa: Chu Nam là các chĐ hĐ u phía nam nhà Chu. Còn ThiĐ u Nam: các chĐ hĐ u phía nam nĐĐ c ThiĐ u và cũng có thĐ nĐĐ c ThiĐ u Đ phía nam nhà Chu. Ca dao thĐ phú 2 chĐ hĐ u này đĐĐ c đĐ cĐ p khá nhiĐ u trong Kinh.

Tr_uc khi tìm hi_u v_o trí đ_a đ_a 2 ch_u h_u Chu Nam, Thi_u Nam và ca dao c_a h_o, chúng ta nên tìm hi_u ch_u “ch_u h_u” 3000 năm tr_uc. Ch_u h_u, n_oc ph_u thu_uc đã đành, ch_u h_u cũng có nghĩa các b_o t_uc Man Di ch_a thành n_oc, cũng ch_u tri_u c_ung Thiên T_u nhà Chu hùng m_onh. Các b_o t_uc Man Di mu_n nh_u nhà Chu làm cái khiên che ch_u h_u khi b_o các ch_u h_u, b_o t_uc khác gây chi_n. Nhà Chu ch_ung bao gi_u đ_i đ_i t_u ch_u i không nh_u n tri_u c_ung đóng thu_u t_u các b_o t_uc Man Di, dù h_u không ph_u i Hán t_uc. Đó là chính sách “liên minh th_u n ph_u c”(21) đ_ung_u i giàu càng giàu m_onh nhi_u u uy th_u và k_u th_u p c_u đ_ung_u c s_ung còn mà v_u n không b_o m_u t đ_u t, mi_n không vi ph_u m “lu_u t th_u n ph_u c”: Không tri_u c_ung, không đóng thu_u.

Xin l_uc đ_u vài dòng tr_uc khi tr_u l_u i 2 ch_u h_u Chu Nam và Thi_u Nam.

T_ut nhiên tôi ph_u i tin Kh_u âng Phu T_u, vì 20 th_u k_u nhân dân n_oc Tàu và khoa b_ung n_oc ta đã tôn vinh ông là V_u n Th_u S_u Bi_u. Tôi chân thành cảm _u n ông, m_u t s_u gia, m_u t hi_u n tri_u t, m_u t giáo ch_u đã đ_u l_u i nhi_u u s_u li_u u quý giá liên quan đ_u n gi_ung Man Di. Ch_ung l_u tôi tin các ông “con tr_u i vô th_u n” (thiên t_u c_ung s_u n) ch_u h_u sanh, bá quy_u n nói _u u, nói cho l_u y đ_u c: các h_u i đ_u o Hoàng Sa, Tr_ung Sa xa tít ngàn d_u m _u bi_u n Nam là c_a Trung Qu_u c? Th_u mà ngày nay chính quy_u n Hà N_u i v_u n “c_u t đ_u t dâng bi_u n” thêm cho Trung C_ung.

Đúng ra chúng ta ch_u a c_u n bi_u t v_u i v_u trí đ_a đ_a Chu Nam, Thi_u Nam _u đâu, ch_u c_u n đ_u c các v_u n th_u Kinh Thi ph_u n Chu Nam, Thi_u Nam; các đ_u a danh sông ngòi núi r_ung ... trong các bài th_u đó s_u tình t_u ngay th_ung nói lên xu_u t x_u t t_u t_u c nào? Và ti_u n th_u chúng ta hãy nghe vài l_u i ca hát th_u m thì gi_ung Man Di, t_u tiên Giao Ch_u, Bách Vi_u t t_u 3, 4000 năm tr_u c

M_u t s_u ca dao đ_u n hình c_a Chu Nam và Thi_u Nam sau đây, đ_u c trích t_u b_u n đ_u ch qu_u c ng_u “Kinh Thi T_u p Truy_u n” c_a h_u c gi_u giáo s_u T_u Quang Phát - Sài Gòn 1969. M_u c đ_u u ông Phát dùng th_u ta đ_u n đ_u ch, nhi_u u l_u n ông kh_ung đ_u nh: đ_u ch r_u t sát nghĩa, sát ý t_u ch_u Hán c_u.

Bài: Nh_u Ph_u n - Chu Nam 10. V_u nh_u ch_ung và m_ung bi_u t chàng v_u n trung thành
B_u đê sông Nh_u l_u n đi (sông Nh_u chỉ nhánh sông Hoài, l_u u v_u c phía b_u c sông D_ung T_u).
Cây, nhành em đ_u n, qu_ung g_u nh_u c công
Khi em ch_u a g_u p đ_u c ch_ung
Nh_u c_u n đ_u i n_ung t_u c lòng xót xa

Bài: Hán Qu&# ng - Chu Nam 9. Khen ng&#&i ph&# n&# đoan trang đ&#&c đ&#i k&#nh n&#.

B&#i cây l&#n x&#n đ&#p xinh

Tôi lo c&#t lo&#i cây kinh mà dùng

N&#u nàng nay đã theo ch&# ng

Xin nuôi giùm ng&#a cho lòng đ&#p vui.

R&# ng thay sông Hán cách v&#i (sông Hán, m&#t chi nhánh l&#n c&#a sông D&#&ng T&#)

Ch&# toan l&#n l&#i v&#&t kh&#i mà hồng

Tr&#&ng giang xa tít muôn trùng (l&#i Tr&#&ng giang! là sông D&#&ng T&#)

Th&# bè ch&# ng th&# xuôi dòng mà đi

Bài n&#y là l&#i tr&#n tình c&#a k&# th&#t tình: V&#n bi&#t b&#n lòng đã đi l&#y ch&# ng, chàng v&#n ti&#p t&#c c&#t cây nuôi ng&#a nhà nàng đ&# ki&#m đ&#m. Nàng cho bi&#t: Dù lòng nàng r&#&ng nh&# sông Hán dài nh&# Tr&#&ng giang...khó lay chuy&#n. Khuyến chàng đ&#ng m&# m&#ng phá đám.

Đùa theo l&#i giáo s&# MC Nguy&#n Ng&#c Ng&#n cho đ&# hi&#u: Khi nào ly d&# nh&# đ&#ng quên anh

Bài: Quan Th&# - Chu Nam 1. Ch&# ng nh&# v&# - T&# ph&#&ng xa chàng t&#&ng t&#&ng nàng đang cô đ&#n làm vi&#c đ&#ng á&# đ&# ki&#m s&#ng.

So le rau h&#nh l&# th&# (rau h&#nh có c&#ng dài c&#ng ng&#n)

Hái theo dòng n&#&c ven b&# đôi bên (hái ph&#i thu&#n theo dòng n&#&c bên này r&#i bên kia)

U nhân th&#c n&# chính chuy&#n

Nh&# khi th&#&c ng&# tri&#n mi&#n ch&# ng r&#i (dù th&#c ng&# đ&#u nh&# đ&#n v&#)

N&#u c&#u mà ch&# ng g&#p ng&#&i

Khi m&# khi t&#nh b&#i h&#i nh&# th&#&ng

Xa xôi trông nh&# đêm tr&#&ng

Chi&#c thân tr&#n tr&#c trên gi&#&ng nào yên

Bài: Giang H&#u T&# - Thi&#u Nam 2. T&#c x&#a: L&#y ch&# ng, nàng dâu đ&#n c&# em gái, đ&#y t&# gái theo h&#u ch&# ng mình là m&#t vinh đ&# cho các cô, v&#n bi&#t sau đó các cô đ&#u s&# tr&# thành h&#u thi&#p c&#. Sau đây l&#i trách c&#a các cô em và n&# t&#i vì không đ&#&c ch&# đ&#n h&# theo.

Tr&#&ng giang còn n&#i c&#n lên (l&#i Tr&#&ng giang!)

L&#y ch&# ng ch&# ng đ&#t, ch&# quên em r&#i

B&# em ch&# ng đ&#t thì thôi

V&# sau em &# yên n&#i chung cùng

Một bài thơ khác với Giang H&# u T - Thi&# u Nam 2.

Tr&# ng giang còn có sông Đà (t&#t nhiên không phải sông Đà chi nhánh H&# ng Hà &# VN)
Vu quy ch&# ng d&#t em qua &# cùng
Tuy qua ch&# ng d&#t đi chung
Mai sau chép mi&# ng h&#n lòng với ca

Đã đan c&# vài bài thơ, ca dao d&#y tình ng&#&#i, tình ch&# ng v&# c&#a gi&# ng Man Di Chu Nam và Thi&# u Nam d&#&#c Kh&# ng T&# trang tr&# ng g&#p chung là Nh&# Nam thu&#c lo&#i Chính Phong. M&#&#c đích các b&# t&#c đó dùng văn thơ để giáo d&#c gia đình, c&#m hóa xóm làng, h&#&# ng d&#n qu&#n chúng làm d&#u thi&#n (đúng ý Kh&# ng T&#). Phân biệt với ca dao 13 n&#&#c kia g&#i Bi&#n Phong h&#u h&#t là nh&#c cung đình l&# h&#i, ch&# m&#t s&# r&#t ít bài thơ, ca dao tâm tình dành cho làng xóm và lòng ng&#&#i (gi&# ng Nh&# Nam). Nếu ch&# d&#c vài bài thơ r&#i r&#c trên đây ho&#c ch&# d&#c Kinh Thi, không d&#c Kinh Th&# để biệt l&#ch s&#, d&#a d&# t&#c Man Di; có thể nói một cách d&#t khó ai nghĩ đây là nh&# ng bài ca dao thi nh&#c, dĩ s&#n tinh th&#n c&#a ng&#&#i Giao Ch&# Bách V&#t.

Các ông Nghè VN thu&#c n&#m lòng s&# li&#u ghi trên t&# Kinh Th&# Kinh Thi. B&#i thơ sau khi th&# ng Mãn Thanh, năm 1792 Nguy&#n Hu&# sai 2 ông Nghè Ngô Th&#i Nhi&#m, Phan Huy Ích và T&#&# ng Vũ Văn Dũng đi s&# TrungH&#a g&#p vua C&#n Long. Các ông đã dùng b&# ng ch&# ng t&# Kinh Th&#, Kinh Thi, s&# T&# Mã Thiên (22) cùng 3 t&#c l&#&#i để ch&# xin l&#i “t&#&# ng tr&# ng” 2 t&# nh Qu&# ng Đông, Qu&# ng Tây và xin c&#&#i 1 công chúa Tàu cho ch&# soái Nguy&#n Hu&#. Vua C&#n Long, m&#t ông vua thông minh sáng su&#t nh&#t nhà Thanh ch&#p nh&#n 2/3 yêu c&#u là g&# 1 công chúa và “cho” Nguy&#n Hu&# t&# nh Qu&# ng Tây. Ti&#c r&# ng ch&# 2 ngày sau Nguy&#n Hu&# m&#t s&#m (40 tu&#i), C&#n Long l&# luôn l&#i h&#a (Trích Quang Trung Nguy&#n Hu&# c&#a Hoa B&# ng trang 331, xu&#t b&#n Hà N&#i năm 1941). Ng&#&#i V&#t ngày nay th&#&# ng ti&#c nu&#i vua Quang Trung m&#t s&#m. Nếu ông s&# ng thêm 10 năm n&#a ch&#c ch&#n c&#c di&#n VN nhi&#u thay đ&#i t&#t.

Các thi nhân c&# VN Nguy&#n Du, Đoàn Th&# Đi&#m... cũng th&#&# ng dùng thi h&# ng t&# Kinh Thi

Thí d&#: Tr&# ng Tr&#ng Thành lung lay bóng nguy&#t
Kh&#i Cam Tuy&#n (23) m&# m&#t th&#c mây
Chín t&# ng g&#&#m báu trao tay
N&#a đêm truy&#n h&#ch đ&#i ngày xu&#t chinh

N&# c thanh bình ba trăm năm cũ
Áo nhung trao quan vũ t&# đây
S&# tr&#i s&# m d&# c đ&# ng mây
Phép công là tr&# ng ni&# m tây sá nào

....

4 câu đ&# u xu&# t x&# Kinh Thi , 4 câu sau tr&# đi m&# i là c&# a Đoàn Th&# Đi&# m, Đ&# ng Tr&# n Côn.

Kinh Thi cũng b&# T&# n Th&# y Hoàng đ&# t. Sau đó đ&# c vi&# t l&# i t&# nh&# ng trang ch&# a cháy và trí nh&# c&# a các nhà Nho Tàu thu&# y.

3 - Kinh L&# còn g&# i L&# Ký: Là m&# t sách giáo d&# c, nói v&# tr&# t t&# th&# b&# c trong gia đình xã h&# i và trình bày các nghi l&# quan hôn tang t&# trong gia đình, đình làng và tri&# u đình, ph&# n cu&# i Kinh L&# có thêm 1 ch&# ng cu&# i Kinh Nh&# c. Nh&# đã nói &# trên, Kinh Nh&# c b&# T&# n Th&# y Hoàng đ&# t cháy g&# n h&# t, ch&# còn 1 ch&# ng cu&# i. Có ng&# i l&# y l&# i đ&# c c&# t gi&# u, các th&# h&# sau ghép chung vào cu&# i Kinh L&# .

4 - Kinh Xuân Thu: Kh&# ng T&# ghi chép l&# ch s&# n&# c L&# (n&# c ông) t&# năm 722bc đ&# n 480bc, t&# ng c&# ng 242 năm. V&# sau, s&# gia Trung Qu&# c đ&# a theo tên Xuân Thu do s&# ông vi&# t, h&# đ&# t tên th&# i kho&# ng l&# ch s&# n&# y là th&# i Xuân Thu, k&# đ&# n là th&# i Chi&# n Qu&# c 480 bc - 250 bc. M&# c đ&# u Kh&# ng T&# vi&# t 2 cu&# n s&# Kinh Th&# , Kinh Xuân Thu, nhi&# u s&# li&# u dày c&# m th&# i Trung Hoa c&# đ&# i; 4 th&# k&# sau, đ&# nh&# t s&# gia Trung Hoa T&# Mã Thiên (140 bc) còn ph&# i dùng s&# li&# u t&# 2 b&# Kinh n&# y đ&# vi&# t s&# . Nh&# ng s&# c&# a Kh&# ng T&# không tránh kh&# i cái t&# t “x&# u che t&# t khoe” và n&# ng ph&# n đ&# o lý nên giá tr&# l&# ch s&# ch&# t&# ng đ&# i. H&# u th&# ít g&# i Kh&# ng T&# là s&# gia. Tuy nhiên căn c&# minh tri&# t c&# a ông, ng&# i đ&# i kính tr&# ng ông h&# n s&# gia, tri&# t gia. H&# coi Kh&# ng T&# là giáo ch&# Kh&# ng giáo. &# Á châu ông đ&# ng ngang hàng Ph&# t Thích Ca, Đ&# c Giêsu n&# u không mu&# n nói còn h&# n n&# a. Trong khi ông ch&# a bao gi&# nh&# n đ&# o lý do ông c&# v&# là tôn giáo. Ông phát bi&# u &# Lu&# n Ng&# : “Đ&# i s&# ng t&# ng lai còn ch&# a bi&# t? Nói chi chuy&# ân ch&# t”. Nh&# ng đ&# o lý c&# a ông v&# n c&# s&# y con cháu kính th&# t&# tiên.

5 - Kinh D&# ch: “B&# sách” đ&# c đ&#o c&# x&# a nh&# t Trung Hoa, có t&# th&# i vua Ph&# c Hy, Tam Hoàng

hố n 25 thố kố trố c tây lố ch (trố c khi Trung Hoa có chố viố t). Tổ t nhiên “sách” có trố c Khố ng Tồ (550bc - 480bc) 2 ngàn năm. Không biố t tác giố là ai, nhố ng chố c phố i do nhiố u ngố i viố t vì ý sách rố t phong phú và đố i kháng nhau. Tổ t cố đố c biố u thố trên thân tre, mố nh gố, mai rùa (tố đố i nhà Thố ng), mố i lố n chố “sách” phố i cố n vài xe tồ mã. Sách đố c khố c bố ng 2 ký hiố u gố ch dài, gố ch ngố t (_ - -) vố i 8 quố. Tám quố y đố t chố ng lên nhau thành 64 quố đố i. Tàu gố i là Trùng Quái. Tổ đố muố n đố n tồ ý nghĩa gì ngố i Trung Hoa cố dùng căn bố n “64 chố cái” vố a trình bày. Ngày nay các ký hiố u đó vố n còn thố hiố n đố hình Bát Quái thố ng gố n trố c cố a nhà. Nhố Khố ng Tồ đố n đố ch, hố u thố hiố âu đố c ý sách gố m 2 phố n “Kinh” và “Đố ch” nói vố trố t tồ vũ trố và con ngố i, là nguố n gố c hố u hố t các tồ tồ ng triố t hố c Trung Hoa duy vố t, duy tâm, duy lý nhố đã số lố c bên trên. Kinh Đố ch là bố ng chố ng tồ thố i tiố n số cố xố a loài ngố i còn ăn lông đố, Trung Hoa đã có nhân sinh quan, triố t hố c đố c đáo. Ngố i Tàu rố t hãnh đố n vố Kinh Đố ch. Khố ng Tồ chố hố thố ng hóa, đố n đố ch ý sách bố ng tiố ng Hán cố, ông vố n giố lố i ý và tồ a sách: Kinh Đố ch.

Kinh Đố ch còn chố a đố ng thuyố t Âm Đố ng, Ngũ Hành, Bói Toán.

- Thuyố t âm đố ng hòa hố p: Âm đố ng vố a đố i kháng vố a cố n nhau. Thí đố : nam nố, ngày đēm, mố t trố i mố t trắng, cố c thố nh số suy, cố c suy số thố nh, có suy mố i hiố u đố c thố nh, có thố nh mố i nhố khi suy. Có giàu mố i hiố u khi nghèo và ngố c lố i.

- Thuyố t ngũ hành: Bố ng nhố ng vố t chố t đố n giố n hiố n hố u có trố c mố t: kim, mố c, thố y, hố a, thố; tồ tiố n số (chố a chố viố t) Trung Hoa đã gố ghēm mố t triố t lý sâu xa vố số thành lố p vũ trố bố ng vố t chố t, mà các vố t chố t yố cố đố i kháng nhau. Thí đố : Lố a là hố a thiêu rố i mố i thố thành than sinh ra đố t là thố, nhố ng hố a thì kố thố y. Có khác chi các nhà khoa hố c ngay nay tin rố ng: Bố n tồ năm trố c, trái đố t là quố cố u lố a nhố mố a tồ o ra sông biố n làm trái đố t nguố i đố n. Nhố ng nay có cố c có thuyố t: đố i đố ng có là do số i va chố m giố a trái đố t và mố t tinh cố u chố a nố c muố i (chố là giố thuyố t). Tổ đố ngố i xố a nghĩ đố n nhố ng khía cố nh khác, ngũ vố : mố n, đố ng, chua, cay, ngố t. Ngũ giác: tay, lố i, mố t, tai, mũi. Qua các triố t lý vố sau cho biố t, lúc yố hố cố đố đã biố t giác quan thố 6 trố c giác.

Kinh Đố ch cố ng là nguố n gố c bói toán. Bói có tính toán suy luố n không phố i lố i bói toán mê tín đố đoan.

D - Tổ Thố : Bố i nhiố u Nho gia sau thố i Khố ng Tồ viố t. Đố n 10 thố kố sau, Chu Hy (1130 -1200) hiố u đố nh Tổ Thố và thêm vài đố u mố i lố. Chu Hy số ng thố i chiố n tranh Kim, Tồ ng có Nhố c Phi, Tồ n Cố i (trố c khi Mông Cố thôn tính nhà Tồ ng năm 1255). Đố dân Trung Hoa đố lố m than vì

nội chi, ông dùng uy tín cá nhân mới trị gia nội thì ông đứng ng thẳng vào đạo lý Khổng Mạnh kêu gọi vua quan 2 nước Tống Kim nghe chi, nhưng không hiểu qu. Chu Hy từ chối và quê viết nhiều sách. Tất nhiên Chu Hy cũng học phái Nho gia Khổng Mạnh, nhưng ông thêm chữ trống: Tri hành hợp nhất trong sách Trung Dung. Có nghĩa Biết mà không làm, cái biết đó vô dụng và Hành chưa hợp là hành động (sẽ phân tích sau). Tống thì Ngũ Kinh Khổng Tử; khi Chu Hy còn sống, từ từ ông coi là “nguyên học”, nhưng Tổ Thập (bản gốc) vẫn đứng c đầu các trống cao đứng từ đời nhà Tống. Sau khi Chu Hy chết, đến đời nhà Minh mới dùng Tổ Thập do Chu Hy hiểu đúng. Nhà Thanh thấy Tổ Thập có lợi cho xã hội, nhất là bỏ vào chữ quân chủ quy, Mãn Thanh chú trọng đức biết, vua Khang Hy nghe ng, vinh danh Chu Hy. Như đã nói quân quy đời Việt dùng Tổ Thập tăng cường vào chương trình giáo dục cao đứng từ thời nhà Trần và sao lợi 90% nguyên bản. Số trình bày 10% khác biệt đức đạo và triết các ông Nghèo đời Việt để gọi nước phân Lợi kết (cười bài viết). Số bách phân trên đây chữ là trống trống, không cần c vào đâu c.

Tổ Thập gồm 4 sách: Đời học, Luận Ng, Mạnh Tử và Trung Dung

1 - Đời học: Gồm 2 phần, phần 1 chữ mới chương viết về những lợi nói của Khổng Tử; phần 2 gồm nhiều chương do Tăng Sâm luận thuyết. Ông là học trò giỏi nhất trong 3000 học trò, đến nhất hiện nay nhân trong 72 “thực tập học hiện nay nhân quân tử” của Khổng Tử.

Đó hiểu ý nghĩa chữ Đời Học của Trung Hoa ngày xưa rõ ràng rồi và khác biệt ngày nay như thế nào, chúng ta nên biết thêm: Từ 3 đời Hán, Tống, Chu (2000 năm trước tây lịch) ngành giáo dục Trung Hoa đã có 2 cấp: Tiểu học từ 8 tuổi đến 14 tuổi học luân lý, đạo đức. Và Đời học: 15 tuổi đến 20 học lễ, nhạc, thi, thư, chữ viết, võ thuật, cưỡi ngựa, bắn cung...

Sách Đời Học: Đó trở thành ngành quân tử, con người phải sống theo đức hạnh có sẵn “Nhân chi sơ tính bản thiện” và học lễ nhạc thi thư thì mới được vào cõi Thiệu, đó là giới Đời Học. “Tu thân gia trị quốc bình thiên hạ” xuất xứ từ sách này. Chữ 2 chữ “tu thân” viết tắt sách dày cùi cũng chữ học ý Nho gia vì Tu Thân là trung tâm học thuyết Khổng Mạnh.

Tu thân gồm 3 đức: Nhân, Trí, Dũng. Chữ nói về đức Nhân theo Khổng Tử: Phải biết thế nhưng người đáng thế và ghét kẻ đáng ghét. Kẻ đáng ghét vẫn thế, xã hội sẽ loạn. Tâm thiện cần hợp làm việc thiện, việc thiện thế quy về lợi, hiểu người tranh giành nhau làm việc thiện, xã hội loạn. Nhân không phải là thế nhưng người, Nhân là: Đạo làm người.

Hai chữ Trữ quố c, không hẳn là làm vua, ý chính là dấn thân phụng vụ xã hội, từ quố c là bắt kỳ chớ c vớ lờn nhố nào. Bình thiên hờ : mớ i là làm vua, vớ n biế t chớ “thiên hờ” cớ a Trung Hoa ám chớ nhiế u nớ c chớ hờ u. Do đó ý nghĩa Đố i Hờ c: Tài + Đố c, là bắt kỳ cớ p bớ c nào.

Vớ y: Sau khi tu thân, gớ ng mớ u đố t cách làm chớ gia đình, mớ i có thớ phớ c vớ quố c gia.

2 - Luố n ngớ : Do hớ c trò ghi chép lờ i bàn luố n đố i thoớ i vớ luân lý, triế t lý, văn hớ c, chính trớ giớ a Khố ng Tớ vớ i các nhà khoa bớ ng đố ng thớ i nớ c Lớ (nay là bán đớ Sớ n Đố ng).

Nhố đã nói: Đố o lý, lờ phớ i đố u trái đã có tớ trớ c khi Khố ng Tớ sinh ra. Ông chớ là ngớ i lờ p lờ i và thuyế t giớ ng đớ o lý đố u, hớ c trò ghi chép lờ i thành mớ t bớ , đố t tên Luố n Ngớ . Đố o vua tôi, đố o cha con, đố o vớ chớ ng... nói chung đố o làm ngớ i. Nhố ng gờ chúng ta thớ ng nghe: Nhân, Nghĩa, Lớ , Trí, Tín, Hiế u, Khiêm, Thớ , Dũng Trung, Liêm Sớ . Công Minh Chính Đố i... Đố o ngớ i quân tớ hớ u hớ t tớ p trung là Luố n Ngớ .

Thuyế t Chính Danh: Nghĩa đen nên dùng chớ nghĩa đớ n giớ n rõ ràng mớ i giớ i đố u hiế u, đớ ng chớ i chớ cao xa, giớ i thích kiế u nào cũng đớ c. Tớ i kớ dùng chớ lờ p lờ đánh lờ n con đen có hớ u ý. Tớ đó sinh ra: “Danh chính thì ngôn thuố n”, nói ngớ n gớ n: Chính Danh.

Ý nghĩa quan trớ ng hớ n cớ a thuyế t Chính Danh: Vua thay mớ t ông Trớ i đố trớ muôn dân, dân quan tớ ng phớ i nghe lờ nh vua. Đố tránh biế n lờ n giành giớ t ngôi vua, Khố ng Tớ đành “tớ m chớ p nhớ n”: Cha truyố n con nớ i. Thớ t sớ Khố ng Tớ KHÔNG bao giớ muố n: ngôi vua cha truyố n con nớ i. Đố hiế u ý chính trớ gia Khố ng Tớ tớ 25 thớ kớ trớ c: Vua nên có tớ đầ u?

Chúng ta đớ a Kinh Thớ , tìm hiế u tóm tắ c lờ ch sớ Trung Hoa trớ c tây lờ ch: Sau khi chớ đố bớ lờ c thớ tớ c tan rã, Trung Hoa lờ p thành nớ c.

Đố u tiên ông Nghiêu làm vua tớ năm 2356 BC (có lờ ông Nghiêu đớ ng đố u các bớ lờ c) diế n tích Trung Hoa lúc y chớ bớ ng khoớ ng 2,3 tớ nh là ngã 3 sông Vớ và sông Hoàng Hà. Ông Nghiêu làm vua 100 năm? (2356bc-2255bc) không truyố n ngôi cho con mà truyố n ngôi cho ngớ i có tài là Thuố n.

2255bc - 2205bc vua Thuôn làm vua 50 năm, cũng không truyôn ngôi cho con, mà truyôn ngôi cho ngái có tài là Vũ.

Trong 3 đời Nghiêu, Thuôn, Vũ: Vua sáng bình dân gián dá, xã hái Trung Hoa thánh trá không tái ác. Ban đêm ngá không cán đóng cửa. Ká đi đáng lám đác cáa rái trá lái cho ngái đánh mát. (Xin nhá đây là nháng sá kián do Kháng Tá viát lái vào thái không chá viát).

Hát thái vua Vũ, ông cũng muán truyôn ngôi cho ngái có tài, nháng không ai nhán, cháng đáng đáng ông Vũ “đành truyôn ngôi cho con” là Khái (2205bc).

Tá thá ká 23 bc đán thá ká 18 bc: Khái đáu viác ngôi vua & Trung Hoa cha truyôn con nái. Ông Vũ có há là Há, nên con cháu ông làm vua đác xáp là nhà Há (2205-1767). Truyôn cho nhau đác 18 đời đán vua Kiát cuái cùng thì bá mát ngôi năm 1767 bc vá tay nhà Tháng.

1766-1112 Nhà Tháng làm vua, truyôn 30 đời, vua cuái là Trá bá mát ngôi vá tay nhà Chu.

1111bc - 221bc. Nhà Chu có 2 thái Tây Chu và Đông Chu (đã nói & phán Kinh Thá).

Há,Tháng, Chu. Sá gái là thái Tam Đái. Kháng Tá sinh ra năm 550 bc thái Đông Chu.

220bc - 206bc. Tán Tháy Hoàng diát nhà Chu và các chá háu, tháng nhát Hán tác. Đây là bián cá lách sá quan tráng nhát cáa nác Táu. Tá đáy Trung Hoa không còn chá đá phong kián náa (24), uy quyán táp trung tái kinh đô cho đán nay.

Nhà Tán chá làm vua 15 năm có 3 đời vua thì bá nhà Hán cáp ngôi năm 206 bc.

206 bc-220 ad (tây lịch): Nhà Hán.

(Số năm trên đây chỉ tính theo đời, các số gia ghi lại cũng không đúng như thật, chênh lệch chút ít).

Tóm lại lịch sử Trung Hoa 25 thế kỷ trước tây lịch chỉ cần như 8 chữ cũng đủ tóm lược:

Nghiêu, Thuấn, Vũ, Hạ, Thương, Chu, Tần, Hán.

Nghiêu Thuấn Vũ (3 đời vua đầu tiên) Hạ Thương Chu Tần Hán (5 dòng họ kế tiếp làm vua).

Đời 3 vua Nghiêu Thuấn Vũ, xã hội Trung Hoa an bình là đời có thịnh (qua nhiều sự sách và khảo cổ các di vật tìm được trong lòng đất). Nhưng 2 vua Nghiêu Thuấn không truyền ngôi cho con, lại truyền cho người có tài, khó tin? Thời kỳ (khoảng 2500 bc) Trung Hoa chưa có chữ viết, chữ viết có vào thời nhà Thương khoảng 1600 bc. Người ta nghĩ Khiến T bà đã khuyên các vua thời ông truyền ngôi cho con hãy truyền ngôi cho người có tài; vì trong học thuyết Khiến T, thời rất rắc ông nhận mệnh: Ngôi vua phải “truyền hiên không truyền t”. Thời kỳ Khiến T đã có một thời kỳ cách mạng, lại là cho xã hội! Nhưng số ông không thể đánh đổ được “hiên pháp bất thành văn” cha truyền con nối đã có từ các nhà Hạ Thương Chu, đành chấp nhận coi như “con nối ngôi vua cha” là Chính Danh.

Vua bất tài, Khiến T không chấp nhận “lật vua”; kẻ nào giết vua, lên làm vua là kẻ bất trung, không “Chính Danh”. Bởi tôi chỉ khuyên can vua, khuyên không được. . . thì thôi.

“Trung quân ái quốc”. Trung thành với vua t là yêu nước. Đây, dĩ nhiên muốn cho các chế độ quân chủ phong kiến (25) Việt Hoa rất hê hài lòng. Thời Cách Mạng Văn Hóa Trung Quốc (1965-1969) chỉ nghĩa nhà Nho đầu b C&# ng S&# n Trung Hoa, Việt Nam đầu t ráo n&# o. Người trẻ “Trung quân ái quốc” đời thành “Trung với đảng C&# ng S&# n là ái quốc”. Lập lại đánh lại con đen để gi&# ng được tài phong kiến: “Yêu nước là yêu Xã Hội Chủ Nghĩa” và người khác: “Yêu” Xã Hội Chủ Nghĩa là yêu nước. Đồ lý Nho học có biết bao tinh hoa, C&# ng s&# n không học các đi&# u tốt, lại bắt cho&# c đi&# u t&# h&# i như t, người khác trào l&# u văn minh nhân loại:

Yêu n&# c nh& ng v& n ch& ng C& ng S& n (đ& c tài tham nh&ng) v& n là k& ph& n qu& c.

Khác chi phong ki& n: Yêu n& c, nh& ng ch& ng đ& i dòng h& (th& i nát) đang làm vua v& n là gi& c. C& ng S& n m& t sát phong ki& n t& n tình, nh& ng h& c phong ki& n nh& ng chuy& n tào lao.

Khi sinh ti& n Trung T& ng C& ng S& n Tr& n Đ& nhi& u l& n đ& t câu h& i v& i chính ph& Hà N& i nhi& u tham nh&ng: Năm 1989 nhân dân Romania can đ& m l& t đ& chính quy& n xã h& i ch& nghĩa Nicolas Ceausescu là b& n ph& n qu& c ? Còn v& ch& ng T& ng Th& ng Nicolas Ceausescu c& a xã h& i ch& nghĩa Romania đ& c tài tham nh&ng, b& nhân dân Romania tr& ng tr& kéo lê xác trên kinh đô Bucarest năm 1989 là k& yêu n& c?ø

Ông l& n ti& ng ch& trích chính quy& n Hà N& i: Đ& ng l& n l& n yêu n& c là ph& i yêu đ& ng C& ng S& n. Dù là công th& n ch& đ& , th& ng th& n v& i l& ng tâm, t& ng Tr& n Đ& v& n b& chính quy& n Hà N& i trừ d& p nh& ng tháng năm ông h& u trí...cho đ& n ngày qua đ& i. Nay đ& n l& t Ti& n sĩ Hoàng Minh Chính, Vi& n tr& ng Vi& n tri& t h& c Mác Lê / Hà N& i, b& c th& y h& u h& t đ& ng viên C& ng S& n VN. Vì “chào thua đ& ng nhà” đành b& h& c trò đ& y “đ& o đ& c cách m& ng” m& ng r& a ông, gia đình ông. Còn nhi& u anh hùng yêu n& c nh& ng “không yêu” xã h& i ch& nghĩa, b& chính quy& n Hà N& i trừ d& p. Ti& c, không li& t kê đ& c vì đi xa ch& đích Tô Thợ Ngũ Kinh.

N& u đ& ng C& ng S& n VN th& t lòng yêu n& c, nên nói: “Yêu n& c là yêu dân t& c” và ng& c l& i: “Yêu dân t& c là yêu n& c” gi& ng quan đ& m 7 ông Nghè b& nhà Lê phủ Tây S& n ho& c Tôn Văn linh h& n Cách Mạng Tân H& i ch& ph& c v& dân t& c, các ông không ph& c v& cho b& t k& “dòng h& ” hay “đ& ng phái” nào. B& i th& ngày nay Tôn Văn đ& c c& 2 đ& ng C& ng S& n Trung Hoa l& n Qu& c Dân Đ& ng Đài Loan tôn vinh là Qu& c Ph& . Đ& ng phái, n& u đã lãnh đ& o thành công giai đo& n khó khăn nào c& a đ& t n& c cũng ch& là ph& ng ti& n ph& c v& dân t& c.

Sách Lu& n Ng& mô t& đ& c đ& Kh& ng Tô và đ& t tiêu chu& n m& u ng& i ph& c v& qu& c gia. N& u còn s& ng có l& Kh& ng Tô hải lòng Lu& n Ng& ã nh& t, vì sách nói đ& y đ& quan ni& m đ& o lý và quan đ& m chính tr& c& a ông.

3 - M& nh Tô : Tô t nhiên là t& t& ng ông M& nh Tô . H& n 2000 năm tr& c, ông vi& t: “Lòng tr& c & n là ngu& n g& c c& a nhân t& , là c& n b& n c& a các đ& c thi& n ” trong khi Kh& ng Tô quan ni& m: “Hi& u đ& v& i cha m& là căn b& n c& a các đ& c thi& n”. Hai ông mang 2 căn b& n Thi& n khác nhau. Không hi& u c& Kh& ng hay c& M& nh đúng h& n? Hu& ng chi đông tây kim c& ngu& n g& c và m& c đích lòng

nhân t càng khác nhau xa.

Mnh T là h c trò c a T T s ng sau Kh ng T h n 100 năm. Sau khi h c thành tài su t đ i MnhT đ d y. Sách c a ông do h c trò ghi chép l i. Mnh T có chung quan ni m đ o đ c, hành x gi ng Kh ng T , b i th ng i Vi t ghép chung Kh ng Mnh đ bi u t ng gi i sáng p Nho gia. Xin nh quan ni m c a 2 ông Kh ng, Mnh ch gi ng nhau ph ng di n đ o đ c. Nh ng quan ni m chính tr Mnh T “mnh b o, dân ch” h n Kh ng T nhi u. N u không mu n nói “đ i p” hoàn toàn v i Kh ng T nh n c v i l a.

Mnh T : Đ t n c là c a m i ng i dân, không ph i c a riêng dòng h hay đ ng phái nào. C n giáo d c nhân dân đ dân trí cao, h s bi t quy n l i và b n ph n v i đ t n c.

Kh ng T : Đ đ t n kém (ti n b c, k ho ch ph c t p), ch c n giáo d c 1 ông vua tr thành minh quân là đ , m i ng i dân nghe l nh vua, đ t n c s thanh bình ti n b . Toàn dân ph i: Trung quân ái qu c, trung thành v i vua là ái qu c. Vua là hôn quân b tôi ch nên khuyên l n can gián. Không can đ c ... đi ch khác ch i (t ch c).

Kh ng T không đ ng ý b tôi “l t vua” khi làm vua k đó không có Chính Danh.

Mnh T : “Vua là thuy n, dân là n c. Thuy n nh n c trôi n i nh ng n c cũng có th t o thành sóng l n làm l t thuy n”. T t ng này b quân quy n th i y ki m duy t ngay; ch ng thày giáo nào dám d y, n u còn mu n cái đ u không r i kh i c . V i quan ni m n y, các h c gi th gi i đã xem Mnh T là tri t gia đông ph ng có t t ng dân ch đ u tiên.

B ng đ 2000 năm đ n cu i th k 19 m i có Tôn Trung S n, nh ông M (Hawaii) lâu năm h c h i đ c nhi u đ nh ch dân ch Hoa K ; ông ch tr ng thuy t Tam Dân ch nghĩa: dân ch , dân sinh, dân quy n. Năm 1945 b Vi t Minh ép bu c, vua B o Đ i thoái v , vua l p l i câu: “Dân vi quý, xã t c th chi, quân vi khinh” t sách Mnh T .

Nho gia h u nh th ng nh t v đ o lý nh ng t t ng chính tr có ph n khác bi t nhau.

4 - Trung Dung: c_o a T_h T_h (cháu n_hi Kh_ong T_h, là th_oy c_o a M_onh T_h). B_o sách quan tr_ong nh_ot c_o a các ông Nghè VN ngày x_oa t_hng đ_o gi_o n_hc. Ý_u nghĩa sâu s_oc c_o a sách v_on còn giá tr_o đ_on ngày nay cho b_ot c_o h_ong ng_oi, nh_ot là ng_oi làm chính tr_o chánh đ_o, v_ong đ_o (ng_oc l_oi là chính tr_o bá đ_o, tà đ_o). H_ong _o gi_oa “trung dung”, báo chí mi_on Nam th_ong dùng c_om t_h “chánh khách salon”(26).

Sách d_oy: “Đi_u gì không mu_on ng_oi ta làm cho mình thì...đ_ong làm cho ng_oi ta”. Đ_ong ý ki_on c_oc đoan sinh b_ot đ_ong, b_oo đ_ong. M_oi ng_oi bình t_hnh, bảo hòa, quân bình. Th_on tr_ong trong l_oi nói vi_oc làm. B_ot đ_ong nh_ong đ_ong b_ot hòa. Đ_ong quá khích k_oc y_ou n_hc. Đ_ong y_ou n_hc c_om mình đ_on m_oc đi xâm lăng n_hc khác, đó là đ_o qu_oc, hình th_oc ăn c_op. Th_om quá hóa th_oi, khôn quá hóa đ_oi. Đ_ong l_oy chi_on tranh gi_oi quy_ot b_ot đ_ong. “Anh xâm lăng n_hc tôi, k_o khác xâm lăng n_hc anh”. Thiên h_o lo_on.

T_h đó sinh ra thuy_ot T_hng Đ_oi (lu_on lý) theo quan ni_om Á Đông. K_o quá khích th_ong hay c_oi, nên đ_oc Trung Dung. Đ_ong đ_o b_o ng_oi khác ti_op t_hc “làm phi_on”, ph_oi đoàn k_ot b_oo v_o l_o ph_oi; tr_oc tiên dùng Khiêm, Th_o, không hi_ou qu_o m_oi dùng Trí, Dũng. Đ_ong khi_op nh_oc ch_op nh_on ý ki_on k_oc đoan đ_o qu_oc; đó là hèn y_ou không ph_oi cao th_ong. Đ_o qu_oc đ_oc đ_ong chân s_o l_on đ_ong đ_ou. Bình th_on y_ou l_ong đ_oc Trung Dung s_o th_oy Đ_oo, Đ_oo Trung Dung g_om 4 đ_ou: Nhân, Nh_oân, Trí, Dũng; Dũng là ngh_o l_oc, tôn tr_ong l_o ph_oi. Trí: Hãy chú tr_ong l_oi h_oi l_on, đ_ong đ_o ý l_oi h_oi nh_o. V_oi n_hc Tàu kh_ong l_o, các ông Nghè quan ni_om: Ch_ong thà ta tri_ou c_ong còn h_on gây c_o chi_on tranh b_o m_ot đ_ot. Kinh nghi_om tr_oc m_ot: Th_oi Lý Tr_on, n_hc Chi_om Thành m_oi l_on không tri_ou c_ong, Đ_oi Vi_ot có c_o gây chi_on chi_om thêm đ_ot. Các ông đã th_oy tr_oc: “Bi_ot ng_oi bi_ot ta trăm tr_on trăm th_ong”.

Ngày nay tri_ot lý Pháp Luân Công là Nhân Nh_oân Trí, bi_on thái t_h đ_o Trung Dung và Trung Dung cũng là ngu_on g_oc đ_o Thi_on nh_ong Trung Dung v_on đ_oy con ng_oi đ_ong nghĩ đ_on chính mình, hãy nh_op th_o giúp đ_oi, giúp n_hc.

Các b_oc thâm Nho: Trung Dung ch_oa h_on đ_on gi_on nh_o nêu trên! Sách cao sâu h_on nhi_ou. Mu_on tr_o thành ng_oi Trung Dung ph_oi đ_oc xong T_h Th_o. Đ_oc xong T_h Th_o s_o hi_ou đ_oc đ_o Trung Dung là “Tri hành h_op nh_ot”. Các c_o nói không sai. Tri là bi_ot; hành không ph_oi hành đ_ong mà là suy lu_on (lu_on). Hành đ_ong quá đ_o, ch_o là s_o t_ht y_ou sau khi suy lu_on.

K_ot qu_o hành đ_ong t_ht, x_ou tùy thu_oc suy lu_on hay ho_oc đ_o. Mu_on lu_on hay, đúng ph_oi Tri (bi_ot) nhi_ou đ_o ki_on t_ht. Tri và lu_on là 2 đ_ou khác bi_ot. Do đó các c_o y_ou c_ou ph_oi t_hng h_ot T_h Th_o m_oi đ_o tri đ_o lu_on, l_op đ_o án d_ong vua, vua sai quan t_hng thi hành đ_o án k_o ho_och. Quan t_hng

ch₁ là k₁ th₁ a hành theo l₁nh vua, còn so₁n th₁o k₁ ho₁ch đ₁ án là t₁ các ông Nghè. Đóu là ý nghĩa “Tri hành h₁p nh₁t”, nhi₁m v₁ ng₁ i có h₁c, k₁ trí th₁c.

Thí d₁: Năm 1789 vua Càn Long sai Tôn Sĩ Ngh₁ đem 290 ngàn quân ti₁n chi₁m Thăng Long xâm lăng n₁c ta. T₁ng Ngô Văn S₁ t₁ l₁nh ti₁n ph₁ng Tây S₁n ₁ mi₁n B₁c, nghe l₁i khuy₁n c₁a ông Nghè Ngô Thì Nh₁m: Đ₁ b₁o toàn l₁c l₁ng nên rút v₁ núi Tam Đi₁p, sau đó phi báo v₁ Phú Xuân (Hu₁). Nguy₁n Hu₁ nhà quân s₁ bách chi₁n bách th₁ng, tr₁c khi xu₁t quân, ông Hu₁ khen ng₁i k₁ ho₁ch lui quân thông minh. Sau khi đ₁i th₁ng quân Thanh, Tây S₁n có bi₁t bao t₁ng tài, vua Quang Trung s₁c phong ông Nghè Nh₁m (quan văn) làm binh b₁ th₁ng th₁ - b₁ tr₁ng b₁ qu₁c phòng - Vua Quang Trung nhìn không l₁m ng₁ i. Khi đang t₁i ch₁c, ông Nh₁m v₁ch k₁ ho₁ch 10 năm t₁ ch₁c l₁i quân đ₁i Tây S₁n đánh Mãn Thanh đ₁ l₁y l₁i Qu₁ng Đông Qu₁ng Tây c₁a t₁ tiên là gi₁ng Bách Vi₁t, Giao Ch₁ đã b₁ m₁t t₁ 2000 năm tr₁c. B₁n năm sau, năm 1792 tr₁c khi tuyên chi₁n đánh Tàu, đ₁ ti₁t ki₁m x₁ng máu nhân dân và dò đ₁ng, ông Nh₁m đ₁ ngh₁ dùng ngo₁i giao “Xin l₁i đ₁t t₁ tiên” v₁i tri₁u đình Mãn Thanh. Qu₁ nhiên sau chuy₁n đi s₁ c₁a ông Nh₁m, vua Càn Long đ₁ng ý “cho” Qu₁ng Tây và h₁a g₁ 1 công chúa cho Nguy₁n Hu₁ (nh₁ đã trình bày ₁ Kinh Thi). Không ch₁ Ngô Thì Nh₁m, QTG đã đào t₁o g₁n 3000 nhân tài, h₁u h₁t các ông khai thác trí t₁ đ₁ bài h₁c “tri hành h₁p nh₁t” nh₁: Nguy₁n Trãi, L₁ng Th₁ Vinh, Chu Văn An

E - Vài ₁u đi₁m đ₁c đảo và vài khuy₁t đi₁m n₁ng n₁

Nh₁ng ₁u khuy₁t đi₁m sau đây là nh₁ng l₁i bình ph₁m c₁a đa s₁ qu₁n chúng, nh₁t là t₁ các đ₁i lão ti₁n b₁i cao ki₁n t₁ng s₁ng qua các ch₁ đ₁ phong ki₁n, th₁c dân, dân ch₁, c₁ng s₁n.

Minh tri₁t đ₁c đảo nh₁t c₁a T₁ Th₁ Ngũ Kinh: C₁m hóa con ng₁ i b₁ng cái tâm t₁ t₁i, ng₁ i v₁i ng₁ i đ₁i x₁ h₁p đ₁o h₁p lý, không c₁n t₁i lu₁t pháp, cũng không c₁n s₁ th₁ng ph₁t th₁n thánh sau khi ch₁t. H₁u h₁t m₁i khi₁u ki₁n ch₁ c₁n phán quy₁t c₁a t₁c tr₁ng là đ₁.

Tuy ch₁p nh₁n: Ngôi vua cha truy₁n con n₁i, Nho gia mu₁n vua cũng ph₁i là k₁ sĩ và luôn khuy₁n khích m₁nh k₁ sĩ khác ₁ b₁t k₁ h₁c v₁ cao th₁p nào cũng ph₁i ph₁c v₁, là làm quan l₁n nh₁ t₁ tri₁u đình, đ₁n đ₁a ph₁ng đ₁ tr₁ an nhân dân g₁i là ch₁ đ₁ Sĩ Tr₁ (27). D₁ i ch₁ đ₁ sĩ tr₁ nhân, nghĩa, l₁, trí, tín là các đ₁c tính c₁n thi₁t cho m₁i công dân. Xã h₁i x₁a: Ng₁ i tin và tr₁ng ng₁ i, hi₁m x₁y ra mánh mung l₁ng g₁t nh₁ xã h₁i VN hi₁n nay. H₁n 2000 năm t₁i Trung Hoa VN v₁i ch₁ đ₁ sĩ tr₁ ch₁a bao gi₁ đ₁o lý t₁ ra giáo đi₁u s₁t máu gây ch₁t chóc nhân dân nh₁ 100 năm C₁ng S₁n c₁m quy₁n làm ch₁t 100 tri₁u ng₁ i trên th₁ gi₁i (28)

Chỗ trống quát cũng thấy: sĩ trư ngày xưa, đư trư ngày nay: Ai vẫn minh? Ai man r?

Như đư cũng chư a bao giư làø nguyên nhân chi n tranh tôn giáo như Âu châu, Á châu.

Tuy chủng trình giáo đư cư a Quốc Tổ Giám rư t hi m hoi môn khoa hư c thu n túy. Nhưng nư u chúng ta quan ni m lu n lý cũng là môn khoa hư c xã hư i nhân văn, thì hư u hư t các chủng cư a 9 bư sách đã dùng lu n lý trên căn bư n đư đư c đư răn đư y kư đi hư c phư i gư n giư gia phong lư nghĩa, trư c là làm gư ng trong gia đư nh, sau đư an bình xã hư i. Hư quan ni m “Mư i ngư i đư u tư t, thì xã hư i tư t”. Tổ cư bư n đó các ông Nghè dùng suy lu n đư làm viư c hiư u quư trong mư i lãnh vư c cao cư p vư hành chánh, lu t lư , chính trư , quân sư , ngo i giao...

Như minh triư t nư y, toàn dân Viư t thuư xư a tư vua quan đư n dân, tuy nghèo như ng coi trư ng đư o đư c hư c vư n, coi như tiư n bư c vư t chư t:

Chư ng tham ruư ng cư ao liư n.

Ham vì cái bút cái nghiên anh đư (ông thư y giáo)

Hư c: Đư c 1 lòng lư y chư ng hay chư .

Đư ra vào kinh sư mà nghe

Hay: Đêm nư m nghĩ lư i mà coi .

Lư y chư ng hay chư như soi gư ng Tàu.(Ca dao tư c ngư)

Xin đư ng bao giư nói lư n: Lư y chư ng hay chư như coi phim Tàu.

Bư i thư hư ng chư c thư kư nư c ta chia nhân dân làm 4 hư ng: Sĩ Nông Công Thư ng. Sĩ là giư i đi hư c đư c coi trư ng như t. Thư ng, giư i buôn bán làm giàu bư coi như như t.

T₀ c h₀u ngũ S₀c k₀ li₀t

Dân h₀u t₀ S₀ vi chi tiên

Có giang s₀n thì S₀ đã có tên.

T₀ Chu Hán v₀n S₀ này là quý (th₀i Chu, Hán xa x₀a, đã đ₀c p đôi dòng ₀ Kinh Th₀)

Nguy₀n công Tr₀

Đó là giá tr₀ văn minh “Tr₀ng S₀” v₀i ch₀ đ₀ “S₀ Tr₀” ₀ xã h₀i n₀c ta thu₀ x₀a. ₀nh h₀ng sâu xa đ₀n ngày nay. H₀u h₀t cha m₀ VN qu₀c n₀i h₀i ngo₀i, ai cũng mu₀n con cái h₀c gi₀i, h₀c càng cao càng t₀t, đ₀ cha m₀ đ₀c ti₀ng th₀m ây: “Bi₀t đ₀y con”.

Khuy₀t đi₀m n₀ng n₀ nh₀t: Tín đi₀u “Trung quân ái qu₀c” r₀t phi₀n. L₀ g₀p vua b₀t x₀ng làm các anh hùng cách m₀ng mu₀n l₀t đ₀, thay đ₀i m₀t hôn quân t₀i ph₀m, m₀t tri₀u đ₀nh m₀c nát ... ph₀i ch₀ng tay. Thành công, ch₀a ch₀c đã chi₀m đ₀c lòng dân. Th₀t b₀i không nh₀ng s₀ b₀ tri₀u đ₀nh x₀ tru di tam t₀c, b₀ nhân dân phê phán là đ₀ng c₀p, còn b₀ l₀ch s₀ (phong ki₀n) ch₀b₀t trung, ph₀n qu₀c...các t₀i n₀ng n₀ nh₀t c₀a h₀c thuy₀t Nho gia.

Thí d₀: H₀ Quý Ly l₀t nhà Tr₀n, M₀c Đ₀ng Dung l₀t nhà Lê, Tây S₀n l₀t Chúa Nguy₀n

Thêm khuy₀t đi₀m rõ nét c₀a h₀c thuy₀t Nho gia: Làm cho đ₀i s₀ng ph₀ n₀, tr₀ con, gi₀i buồn bán ₀ “th₀ y₀u”. Xin nh₀ th₀ y₀u không ph₀i là nô l₀, nô tì. Ch₀ đ₀ nô tì đã đ₀c bãi b₀ d₀i đ₀i vua Lê Thánh Tôn t₀ th₀ k₀ 15 trong b₀ lu₀t H₀ng Đ₀c. Ngay h₀c thuy₀t Nho gia đã có ph₀n thi₀t th₀i cho ph₀ n₀; dân ta ít h₀c l₀i b₀ gi₀i thích không đ₀ng nh₀t, tam sao th₀t b₀n, h₀u qu₀ ph₀i n₀ thu₀ x₀a b₀ xã h₀i và gia đình đàn áp “không nh₀” trong đ₀i s₀ng.

T₀ đ₀c, tam tòng cho ph₀ n₀. T₀i gia tòng ph₀, xu₀t giá tòng phu, phu t₀ tòng t₀ (29)

Hay: Nh₀t nam vi₀t h₀u, th₀p n₀ vi₀t vô.

Ho₀c: Trai năm th₀b₀y thi₀p

Gái chính chuyên m₀t ch₀ng

Các bà hoàn thành viĐ c đĐ y đĐ con cái hiĐ m đĐĐ c ghi công, nhĐ ng trách nhiĐ m luôn bĐ đề nĐ ng đôi vai:

Con hĐ tĐ i mĐ, cháu hĐ tĐ i bà.

Nên thân nhĐ đĐ c ông bà

Giàu, giĐ i nhĐ bĐ, hên may nhĐ TrĐ i .

TĐ hĐ n, vì hiĐ u Đ m hĐ c thuyĐ t KhĐ ng TĐ, nên mĐ t sĐ đàn ông cĐ tĐĐ ng đi làm đĐ dĐ tiĐ n bĐ c nuôi gia đình, tĐ c đĐ làm tròn bĐ n phĐ n tĐ gia. Các ông có “quyĐ n gia trĐĐ ng” nhĐ các vua đĐ c tài, hĐĐ ng Đ c đèo bĐ ng. VĐ, con phĐ n đĐ i! BĐ p tai. ĐiĐ u đáng nói: hĐ không coi đĐ cái tĐ i, mà là cái quyĐ n cĐ a đàn ông trong xã hĐ i coi nhĐ thân phĐ n phĐ nĐ. NhĐ t là hiĐ n nay đĐ thĐ a măn túi tham tiĐ n cĐ a giĐ i cĐ m quyĐ n, phĐ nĐ VN đang bĐ rao bán Đ Đài Loan, Singapore; viĐ c này chĐ a bao giĐ xĐ y ra thĐ i VNCH kĐ cĐ thĐ i phong kiĐ n, thĐ c dân.

ĐĐ i cha ăn mĐ n đĐ i con khác nĐĐ c, nên:

ThuĐ xĐ a “phu xĐĐ ng phĐ tùy ”

Ngày nay phu xĐĐ ng phĐ xĐ liên tua.

Trích tĐ bài hĐ c thuĐ c lòng đĐ ng Đ u: “ ... Nghĩa mĐ nhĐ nĐĐ c trong nguĐ n chĐ y ra ... ”

Bài thĐ xuĐ t hiĐ n thĐ i thĐĐ c dân Pháp. Sau mĐ y ngàn năm công lao phĐ nĐ ít đĐĐ c xã hĐ i cĐ xĐ a vinh danh, nay mĐ i đĐĐ c dùng làm bài hĐ c giáo đĐ c căn bĐ n cho tuĐ i Đ u niên thĐ i VNCH

MĐ c đĐ u thuĐ xĐ a luĐ t nĐĐ c chĐ cho phép phĐ nĐ đi hĐ c, cĐ m các bà đi thi, nhĐ ng ngĐĐ i sáng Đ p QTG Thăng Long là mĐ t phĐ nĐ xuĐ t thân thôn nĐ hái dâu. Quý vĐ ngĐ n ngĐ nghi ngĐ ?

Xin thĐ a: ĐĐ là Thái Phi Đ Lan, ái thiĐ p vua Lý Thánh Tôn. Vua băng hà năm 1072, bà là mĐ thái tĐ Càn ĐĐ c lên ngôi vua lúc 7 tuĐ i. Bà nhiĐ p chính cĐ nh Đ u vĐĐ ng Lý Nhân Tôn và điĐ u hành viĐ c nĐĐ c trong giai đĐĐ n này. Năm 1075 nhà Lý thành Đ p QuĐ c TĐ Giám, lúc Đ y vua mĐ i 10 tuĐ i. Năm 1076 bà là thành viên trong ban tham mĐ u cùng Lý ThĐĐ ng KíĐ t, Tôn ĐĐ n đánh QuĐ ng Đông, QuĐ ng Tây. Có thĐ chính bà là ngĐĐ i chĐ huy trĐ c tiĐ p 2 ông tĐĐ ng viĐ n chinh này (sĐ không nói rõ, chĐ suy luĐ n) vì vua Lý Nhân Tôn lúc nĐ y là đĐ a trĐ 11 tuĐ i.

Cái h_oc ngày x_a dĩ nhiên còn nhi_u u_u khuy_t t_đ m_{nh}: n_ong v_o b_ot ch_oc nghèo sáng t_o, n_ong văn th_o nh_o khoa h_oc, n_ong b_o ngoài chu_ong hình th_oc thi_u th_oc t_o. Phân tách t_oi n_oi t_oi ch_on không d_o dàng, c_on ki_on th_oc cao nhi_u u_u kinh nghi_om.

Nh_o ch_o đ_o quân ch_o, h_oc thuy_t Kh_ong T_o s_ong dai 2000 năm. Dĩ nhiên h_oc thuy_t chính tr_o nào cũng có cái đúng cái sai, không th_o s_o đ_ong nó mãi đ_oc, k_oc ch_o đ_o “dân ch_o phân quy_on” Âu M_o ngày nay s_o có lúc b_o đào th_oi. M_ot h_oc thuy_t có th_o phù h_op cho 2000 năm tr_oc, làm sao thích h_op cho 2000 năm sau, c_on thay đ_oi. Đó là ti_on b_o văn minh loài ng_oi.

F - L_oi K_ot: (Hi_ou qu_o t_ot y_ou c_oa 10% đã đ_o c_op bên trên).

Nhi_u u_u b_on tr_o trăn tr_o v_oi v_on m_onh dân t_oc th_ong th_oc m_oc: N_oc ta bé tí ti, s_ong g_on anh kh_ong l_o Trung Hoa t_o cao t_o đ_oi luôn nuôi m_ong đ_o qu_oc bành tr_ong, 1000 năm dân ta b_o đô h_o, thêm 850 năm t_o tiên h_oc sách Tàu, văn hóa Tàu.

T_oi sao n_oc ta không b_o Tàu xâm lăng đ_ong hóa?

Xin m_oo mu_oi tr_o l_oi: Đ_o không b_o xâm lăng đ_ong hóa, các ông Nghè sáng su_ot áp d_ong m_ot cách tài tình bài h_oc “Tri hành h_op nh_ot” t_o T_h c_oa Chu Hy trong b_o Trung Dung:

Các c_o bi_ot “C_ong, Nhu, Đánh, Đàm, Tri_u c_ong”(30) v_oi anh kh_ong l_o ph_ong B_oc đúng lúc. Các c_o không t_o ái x_ong, không hèn nhất.

Trong quan h_o chính tr_o ngo_oi giao v_oi đ_o qu_oc Trung Hoa, các ch_o h_ou l_ong gi_ong nh_o n_oc ta, tuy đ_oc đ_oc l_op m_oi ph_ong di_on hành chánh, quân s_o, chánh tr_o... nh_ong th_o “liên minh th_on ph_oc” h_o tr_o nhau sinh t_on trong th_o gi_oi Á Đông thu_o x_oa, ch_o “Trung quân ái qu_oc” có nghĩa: dùø là dân t_oc các n_oc ch_o h_ou tri_u c_ong (không ph_oi dân c_oa m_ou qu_oc Trung Hoa) cũng ph_oi “trung” v_oi Thiên T_o Trung Hoa và “yêu” n_oc Tàu (31). Trong khi sách Trung Dung cũng d_oy “Ch_ong đ_o qu_oc”: Anh không mu_on tôi là đ_o qu_oc anh thì anh đ_ong m_o làm đ_o qu_oc tôi. B_ong trí d_ong các c_o thi hành bài h_oc “Ch_ong đ_o qu_oc”. Các c_o trung v_oi vua ta yêu n_oc

ViĐ t và luôn đĐ y ĐĐ i con cháu tình thĐ n yêu nĐĐ c ViĐ t. ĐĐ n hình:

- Ông Nghè sĐ gia Lê Văn HĐ u đĐ Thái hĐ c sinh (TiĐ n sĩ) năm 1247 đĐ i TrĐ n. Trong “ĐĐ i ViĐ t SĐ Ký” đã tĐ c giĐ n trách cĐ : “Các nam nhi tĐ thĐ i Hai Bà TrĐ ng đĐ n Ngô QuyĐ n, không biĐ t noi gĐĐ ng yêu nĐĐ c nhĐ hai anh thĐ TrĐ ng TrĐ c TrĐ ng NhĐ , đĐ cho nĐĐ c ta phĐ i bĐ BĐ c thuĐ c Tàu gĐĐ n ngàn năm”. ThĐ t sĐ ĐĐ i trách hĐ i oan. Vì ngàn năm đó cũng nhiĐ u cuĐ c khĐ i nghĩa cĐ a nhiĐ u nam nhi yêu nĐĐ c, nhĐ Phùng HĐ ng, Lý Nam ĐĐ , TriĐ u Quang PhĐ c... ChĐ tiĐ c, không thành công lâu dài.

Rõ nét nhĐ t viĐ c làm 2 ông nghè NhiĐ m Ích đi sĐ nhà Thanh (đã trình bày chi tiĐ t bên trên).

Không phĐ i chuyĐ n đi sĐ nào cũng thành công. Cũng có nhĐ ng chuyĐ n đi thĐ t bĐ i hĐ u quĐ thê thĐ m các sĐ thĐ n phĐ i gánh chĐ u đĐ u tiên. Các ông đĐ n đĐ c đĐ i đĐ n trĐĐ c hoàng đĐ và triĐ u thĐ n Trung Hoa, bình tĩnh khôn khéo uĐ n 3 tĐ c ĐĐ i giĐ i bĐ y lý luĐ n đĐ n tích tĐ Ngũ Kinh, TĐ ThĐ đĐ ả bĐ o vĐ quyĐ n ĐĐ i nĐĐ c nhà hay hĐ n chĐ thiĐ t thòi cho dân ta. Năm 1637 đĐ i vua Lê chúa TrĐ nh Tráng, ông Nghè Giang Văn Minh đi sĐ Tàu tranh đĐ u cho nĐĐ c ta không cĐ ng ngĐĐ i vàng (kim nhân) có tĐ đĐ i vua Lê Thái TĐ . Ông Minh bĐ nhà Minh bĐ t giam 2 năm, rĐ i bĐ giĐ t trong tù năm 1639. Vua quan dân nĐĐ c Nam nghe tin buĐ n! ChĐ biĐ t ngĐ m ngùi thĐĐ ng tiĐ c. Ông nghè NguyĐ n BiĐ u đĐ i vua TrĐ n Quý Khoách đi sĐ phĐ i ung dung móc mĐ t ả cĐ đĐ u ngĐĐ i do nhà Minh đĐ n, trĐĐ c khi bĐ giĐ t.

Năm 1413 ông Nghè NguyĐ n Phi Khanh, TĐ NghiĐ p QTG (hiĐ u phó kiêm giám hĐ c) bĐ quân Minh xâm ĐĐ c bĐ t sĐ ng cùng vua và triĐ u đình nhà HĐ đem vĐ Tàu. Khi vua tĐi bĐ đĐ u ngang ĐĐ i Nam Quan, là tù nhân bĐ mang gông cùm ông Khanh trách NguyĐ n Trãi đang theo cha khóc lóc than thĐ : Hãy vĐ lo rĐ a hĐ n cho nĐĐ c theo khóc lóc làm gì? Sau đó NguyĐ n Trãi trĐ vĐ , hĐ t lòng tham mĐ u cho Lê ĐĐ i 10 năm đĐ đánh đĐ i giĐ c Minh. Lúc ĐĐ y ông Trãi 25 tuĐ i cũng đã là ông Nghè.

ĐĐ u thĐ kĐ 20, cĐ n bão cĐ ng sĐ n, dân chĐ thĐ i vào Á châu; không ít hĐ đĐ t, bĐ n cĐ nông VN ĐĐ i đĐ ng xã hĐ i phong kiĐ n bĐ t bình đĐ ng, chê các cĐ hĐ nho, nguyên nhân làm nĐĐ c nhà nhĐĐ c tiĐ u đĐ thĐ c dân Pháp đĐ dàng xâm lăng đĐ hĐ .

Xin thĐ a: TĐ i thĐ i cuĐ c! Không do các cĐ . ThĐ kĐ 19 ngoĐ i trĐ NhĐ t BĐ n hùng cĐĐ ng Thái Lan may mĐ n đĐĐ c làm trái đĐ n cho 2 thĐ c dân Anh Pháp, hĐ u hĐ t hĐ n 50 quĐ c gia nghèo nàn Á

châu, Phi châu k_o c_o Trung Hoa là m_oi ngon m_oi ngon cho 2 đ_o qu_oc Pháp Anh.

Xin h_oi h_on 48 n_o c_o kia, có h_o nho Kh_ong M_onh chi cũng b_o các th_oc dân xâm lăng đô h_o?

Các c_o ta ch_o h_oc đ_oo lýù, cái thi_on, cái m_o, truy_on l_oi cho con cháu gi_o gìn gi_ong m_oi đ_oo đ_oc, không quên khuyên: U_ong n_o c_o nh_o ngu_on, nh_o n_o các hi_on tri_ot b_oc th_oy Trung Hoa, tôn vinh Kh_ong T_o là V_on Th_o S_o Bi_ou, M_onh T_o là Á thánh. Nh_ong v_oi đ_o qu_oc bá quy_on Trung Hoa, các c_o v_on đem m_ong s_ong b_oo v_o t_ong t_oc đ_ot t_o tiên. Chuy_on d_ou ra đó.

Ví nh_o đ_ong đ_oi b_ong ph_ong c_o
Anh hùng hào ki_ot có h_on ai

Qua các kinh nghi_om l_och s_o “cá l_on nu_ot cá bé” các c_o th_oy rõ: S_ong c_o nh_o n_o c_o l_on ch_o có lòng yêu n_o c_o sáng su_ot, C_oNG NHU đúng lúc m_oi t_o b_oo v_o đ_o con cháu đ_o c_o s_ong còn

Các c_o là b_oc Thánh đã đóng góp ph_on l_on cho s_o tr_ong t_on và văn hóa đ_oc đ_oc dân t_oc.

H_o Quý Ch_ong

Chú Thích (1) K_o thi H_oi đ_ou tiên “Minh Kinh Bác h_oc” đ_o c_o t_o ch_oc năm 1075 đ_oi vua Lý Nhân Tôn, lúc QTG m_oi thành l_op, tr_ong đ_oy đ_o thi H_ong (đã có t_o lâu) và l_on đ_ou tiên đ_oy cao h_on đ_o thi H_oi, đ_o thi H_oi ch_oa đ_o c_o g_oi Ti_on sĩ, nh_ong là k_o thi cao c_op nh_ot th_oi b_oy gi_o. G_on 200 năm sau, tri_ou đình nhà Tr_on tăng thêm T_o Th_o vào ch_ong trình h_oc, sau thi H_oi là thi Đình, thi ngay sân đình vua. Đ_o thi Đình m_oi g_oi Ti_on Sĩ, Thái H_oc Sinh, ông Nghè và còn nhi_ou danh v_o khác đ_o ch_o h_oc v_o Ti_on sĩ tùy các tri_ou đ_oi.

Giáng Sinh 2002, tôi hân h_onh đ_o c_o thăm vi_ong Qu_oc T_o Giám Th_ong Long _o Hà N_oi. Xin th_op chút h_ong lòng ng_ong m_o ti_on nhân, khi tr_o v_o M_o, nh_o m_ot s_o tài li_ou hình _onh đã ghi chép tôi vi_ot 1 bài tóm l_oc s_o li_ou ph_o bi_on đ_on gi_oi tr_o h_oi ngo_oi “L_och s_o tr_ong Qu_oc T_o Giám Th_ong Long” hân h_onh đ_o c_o VNNB ch_on đ_ong vài s_o báo tr_oc. Đ_o bi_ot chi ti_ot h_on v_o đ_oi h_oc

đ_u tiên và ý nghĩa các k_h thi H_ong, thi H_oi, thi Đình thu_x a; quý v_o có th_o tìm đ_c thêm VN Văn H_oc S_o c_a nhi_u tác gi_o b_oc Th_oy _o các nhà sách.

(2) Dù tr_ong đ_y cao c_p c_o nào, không đ_oc chính quy_n công nh_on h_oc v_o, tr_ong đó ch_o là l_op đ_y thêm ho_c l_op luy_n thi, không đ_oc công nh_on là đ_oi h_oc. Thí d_o tr_ong ông Nghè Tr_ong l_ong (đ_o l_ong) L_ong th_o Vinh, đ_oi vua Lê Thánh Tôn th_o k_o 15. Ngoài T_h Ngũ Kinh đ_y h_oc trò thi H_ong, thi H_oi, ông Vinh còn đ_y c_o toán, môn s_o tr_ong c_a ông Tr_ong, tri_u đình không c_p h_oc v_o, t_ot nhiên l_och s_o không công nh_on đó là tr_ong đ_oi h_oc. Su_t đ_oi ông đã đ_y h_ong ngàn h_oc trò. Ông Nghè Vinh, Ti_n sĩ đ_oc nh_ot n_oc ta đ_o nhi_u tâm s_oc tìm hi_u toán h_oc. Sau gi_o đ_y h_oc trò, ông đ_y nông dân bi_t căn b_on tính toán đ_o đ_oc ru_ong v_on, buôn bán nh_o, xây c_ot nhà c_a. Ông Vinh vi_t nhi_u sách, trong s_o ông đ_o l_o “Đ_oi Thành Toán Pháp”. Cu_i th_o k_o 19, th_oi nhà Nguy_n đang b_o b_o h_o b_oi th_oc dân Pháp, Pháp_i mu_n QTG-Hu_o đ_y thêm toán pháp. Sách toán b_ong ti_ong Pháp giám sinh đ_oc không hi_u, tri_u đình Hu_o ph_oi l_oi “Đ_oi Thành Toán Pháp” c_a ông Vinh th_o k_o 15 t_o tàng c_o vi_n tái b_on đ_o đ_y h_oc trò thi H_ong.

Th_oi nhà Nguy_n, QTG- Hu_o. Ngoài vi_c đ_y giám sinh thi H_oi, thi Đình, lúc _y tr_ong cũng đ_y giám sinh thi H_ong. T_h x_o a đ_on lúc _y, c_o nhân tú tài thi cùng 1 đ_o, đ_o cao c_o nhân, đ_o th_op tú tài. Toán pháp đ_oc đ_y trong giai đ_on này, m_ot trong vài l_on hi_om hoi c_a l_och s_o tr_ong QTG đ_y môn khoa h_oc thu_n t_uy.

(3) Năm 1789 sau khi Nguy_n Hu_o th_ong quân Thanh, ông đóng c_a QTG Thăng Long, m_o t_oi Hu_o tr_ong cao c_p t_ong t_o đ_ot tên Vi_n Sùng Chính. Do l_oi đ_o ngh_o c_a 7 ông Nghè B_oc Hà (s_o gi_oi thích thêm _s 5) và các quan đ_oi th_on Tây S_on, Nguy_n Hu_o cho v_oi La S_on Phu T_o Nguy_n Thi_p qu_o Hà Tĩnh làm Vi_n Tr_ong. Vì ch_o đ_o c_o nhân, 2 l_on Nguy_n Thi_p t_o ch_oi, đ_on l_on m_oi th_o 3 do đích thân Nguy_n Hu_o, ông m_oi d_o nh_on l_oi. Nguy_n Hu_o mu_n dùng Nguy_n Thi_p vào ngành giáo đ_oc vì c_o 2 đ_ong chu_ong ch_o Nôm. Khi làm Vi_n Tr_ong ngoài vi_c đ_y h_oc, ch_om thi H_ong, ông đã đ_och toàn b_o T_h sang ch_o Nôm, ông s_oa so_n đ_och ti_p Ngũ Kinh thì Nguy_n Hu_o bằng hà và cũng là lúc chi_n tranh 2 h_o Nguy_n kh_oc li_t, vi_n Sùng Chính đóng c_a, La S_on đành t_o ch_oc v_o _o n. Theo các nhà Kh_ong h_oc VN: Lúc _y, các văn th_o phúc đáp v_oi La S_on, Nguy_n Hu_o th_ong kính tr_ong thân m_ot dùng ch_o Th_oy... Kính Th_oy... Th_oa Th_oy... nên m_ot s_o hi_u l_om La S_on là th_oy Nguy_n Hu_o. Th_ot s_o th_oy giáo lâu năm c_a 3 anh em và h_ou h_ot t_ong lãnh Tây S_on là ông Tr_ong Văn Hi_n v_o a đ_y võ l_on văn _o p Tây S_on huy_on Bình Khê t_onh Bình Đ_onh.

(4) Đ_o đ_u thi H_ong là Gi_oi Nguyên. Ng_oi đ_o đ_u thi Đình, c_p Ti_n sĩ m_oi đ_oc g_oi Tr_ong Nguyên. Thí d_o: Tr_ong nguyên L_ong Th_o Vinh đ_o th_o khoa năm 1463, ông thích toán h_oc nên ng_oi đ_oi g_oi Tr_ong L_ong

Nguyễn Bính Khiêm đỗ thi khoa Đình năm 1535 đỗ cử làm chức Trình Quốc Công, đỗ cử gọi là Trạng Trình.

Phùng Khắc Khoan đỗ thi khoa Đình năm 1580, ông quê làng Bùng Xá tỉnh Hà Tây, đỗ cử gọi là Trạng Bùng

Nguyễn Khuyến đỗ thi khoa 3 kỳ thi Hội thi Đình đỗ vua Tự Đức. Ông đỗ cử vua sắc phong Tam Nguyên Yên Đổ (Yên Đổ tên làng ông sinh sống). Hai ông Khiêm và Khoan là anh em cùng mẹ khác cha.

(5) Vua Lê Chiêu Thống ra lệnh đỗ cử bia đá 7 ông Nghè Tiến sĩ bộ nhà Lê về phước về đức ở cõi Tây Sơn, trong số có 2 ông nổi tiếng nhất: Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm. Hai chữ Thì và Nhậm là tên thật. Sau đó 2 vua Minh Mạng, Tự Đức cũng có tên là Nhậm, Thì; kiêng húy nên sắc sách nhà Nguyễn từ thời đỗ thành Ngô Thì và Nhiễm. Chúng ta sẽ thấy một số công lao to lớn ông trạng, đi kèm hình của 2 ông về đức độ của các đạo nhân sau.

(6) Đạo đức của Lão gia không có ý nghĩa đạo đức luân lý bình thường như chúng ta nghĩ. Theo Lão Tử: Trời ban đức, đạo sinh ra 1, ra 2, ra 3 ... rồi sinh ra tất cả. Có nghĩa: Trời hư vô, đạo sinh ra tất cả vũ trụ ... rồi sinh ra con người. Cái “hư vô” đó gọi là VÔ hay ĐO. Con người được chia thành vũ trụ và nhân vật, có bốn phần gìn giữ trật tự chung. Ông gọi “gìn giữ trật tự chung” là VI hay ĐO C. Chữ VÔ VI xuất xứ từ ý nghĩa này và trong “Đạo Đức Kinh” Lão Tử giảng về ĐO, ĐO C đó. Về Lão gia cũng xuất xứ từ Kinh Dịch, số sáu là Kinh Dịch phần Ngũ Kinh. Theo các nhà phê bình văn học Trung Quốc: Chữ hán “Đạo đức kinh” của Lão Tử như một số người thông nghĩ, như người chế tác phẩm này thời hiện nhân sinh quan Lão Tử.

Tiêu sư Lão Tử mang nhiều bí ẩn, chúng ta biết chính xác tên, năm sinh và năm mất của ông. Đỗi sau người ta thông nghĩ thấy hình vẽ ông trong sách vẽ là một ông già, nên quen chúng đặt tên Lão Tử. Hình như tên thật là Lý Nhĩ, sinh năm 570 trước công nguyên cùng thời với Khổng Tử (550 trước công nguyên) và lớn hơn Khổng Tử 20 tuổi. Cũng có sách nói: ông được sinh sau Khổng Tử vài chục năm.

(7) Số là sau khi Tần Thủy Hoàng chết (210 trước công nguyên), ông mưu n truy n ngôi vua cho Thái tử Phù Tô. Lúc này Phù Tô đang bị cha đẩy lên Vua Lý Tráp ng Thành vì ngăn cản cha đem đặt sách, đem ng

chôn s&# ng h&# c trò. Không cùng phe nhóm, nên Phù Tô b&# Tri&# u Cao và Lý T&# thông đ&# ng b&# c t&#. Sau đó Lý T&# gi&# t Hàn Phi, Tri&# u Cao gi&# t Lý T&#. Cu&# i cùng Tri&# u Cao b&# gi&# t b&# i T&# Anh (con c&# a Phù Tô). Ch&# đ&# Pháp gia đ&# i T&# n th&# t th&# m, nh&# ng h&# có công th&# ng nh&# t và dùng pháp lu&# t nghiêm minh &# n đ&# nh Trung Hoa th&# i ly lo&# n.

(8) Ti&# u s&# Kh&# ng T&#, ng&# i sáng l&# p Nho gia. H&# u h&# t ng&# i Vi&# t đ&# u bi&# t ít nhi&# u v&# Kh&# ng T&#, ch&# xin nh&# c l&# i. Kh&# ng T&# tên là Khâu, t&# Tr&# ng Ni, sinh năm 550 tr&# c tây l&# ch, n&# c L&# (ngày nay là bán đ&# o S&# n Đông gi&# a B&# c Kinh và Th&# ng H&# i) . Ông m&# t năm 479 (cu&# i th&# i Xuân Thu 770 - 470 bc) s&# p b&# c vào th&# i Chi&# n Qu&# c (470 - 220 bc). Kh&# ng T&# đ&# c sinh ra khi thân ph&# 70 tu&# i, m&# côi cha khi lên 3. Thu&# thi&# u th&# i hàn vi, ông t&# h&# c đ&# c sách nghi&# n ng&# m t&# t&# ng, nh&# t là Kinh D&# ch, Kinh Thi. Đ&# o lý, tri&# t lý do ông c&# võ h&# u h&# t xu&# t phát t&# 2 Kinh này. Ông l&# y v&# s&# m có 1 con trai và cũng b&# v&# s&# m. T&# 30 tu&# i ch&# làm quan ch&# c đ&# a ph&# ng nh&# ng khi nào ông cũng mang hoài bão: “Không c&# n dùng võ l&# c cũng làm đ&# c vi&# c ích qu&# c l&# i dân; đó là giáo đ&# c nhân tâm”. Ông quan ni&# m: B&# t k&# ai cũng có th&# giáo đ&# c đ&# c, k&# c&# vua quan và cũng chính vua quan là nh&# ng ng&# i c&# n giáo đ&# c nh&# t tr&# c khi hành x&# vi&# c n&# c .

Ông đi chu du nhi&# u n&# c ch&# h&# u tìm tri k&#, có nghĩa tìm minh chúa đ&# phò. Th&# i &# y Trung Hoa có r&# t nhi&# u ti&# u qu&# c. Ch&# ng vua nào dùng ông và ông cũng ch&# ng tìm đ&# c ai. Các vua ch&# thích ông cung c&# p võ khí, không thích ông “d&# y đ&# i”. H&# n 60 tu&# i ông tr&# v&# quê cũ là n&# c L&# vi&# t sách d&# y h&# c trò.

Khi sinh ti&# n, đ&# o c&# a ông ngoài vài ngàn h&# c trò, ch&# ng m&# y ng&# i bi&# t, nh&# ng sau khi ông ch&# t h&# ng trăm năm, h&# th&# ng “giáo đ&# c nhân tâm” c&# a Kh&# ng T&# càng đ&# c các th&# h&# sau qu&# ng bá làm tăng giá tr&# ng&# i ph&# c v&# qu&# c gia. Gi&# i quan quy&# n, nh&# t là các vua chúa phát hi&# n đ&# o lý c&# a ông là ph&# ng ti&# n đ&# c l&# c đ&# n c&# tr&# t t&# xã h&# i. Nên h&# u h&# t các tri&# u đ&# i phong ki&# n Trung Hoa Vi&# t Nam dùng đ&# o Kh&# ng làm n&# n t&# ng đ&# o đ&# c xã h&# i và ph&# c v&# ch&# đ&# quân ch&#. Đ&# n đ&# u th&# k&# 20 c&# n bão c&# ng s&# n, dân ch&# th&# i vào Á Đông, đ&# o Kh&# ng do ông ch&# x&# ng b&# đ&# n ngã n&# ng n&# ỗ. Nh&# ng cũng còn hàng tri&# u tri&# u gia đình Á Đông ti&# c nu&# i, h&# ch&# lo&# i b&# nh&# ng h&# t&# c tiêu c&# c, v&# n gi&# l&# i các tinh hoa c&# a đ&# o lý.

(9) M&# c đ&# u nhà Nho cũng đ&# c&# p “phu th&# t&# ng kính nh&# tâm” nh&# ng th&# c t&# đ&# i s&# ng gia đình không đòi h&# i “ch&# ng kính v&#”. Cho phù h&# p v&# i Kinh D&# ch m&# t n&# c không có 2 vua, t&# t nhiên m&# i gia đình ch&# có 1 “gia tr&# ng”. Mãi đ&# n th&# k&# 20, &# nh h&# ng Thiên Chúa Giáo 1 v&# 1 ch&# ng và quan ni&# m dân ch&# nhân quy&# n, m&# i b&# t đ&# u làm cho v&# ch&# ng Trung Hoa Vi&# t Nam t&# ng kính nhau, t&# c “m&# i gia đình có 2 gia tr&# ng”

(10) Cũng năm 111 bc, chính Hán Vũ Đế sai Lữ Bất Đế xâm lăng vùng Hoa Nam và Bắc phần VN, khi đi đầu quân của ta bị bắt thu được 1 sau hàng chục thời kỳ chiến tranh bao gồm Bắc Tào đồ h. Lúc này vùng này là nước Nam Việt gồm Quảng Đông Quảng Tây, Lào H Nam và Bắc phần VN do nhà Triệu làm vua (con cháu Triệu Đà), kinh đô Phiên Ngung (Quảng Châu). Quân Hán đi tới nhà Triệu, giết thái phó Lữ Gia.

Đúng ra, từ đó có gần 100 năm, năm 207 bc Triệu Đà nắm giữ Tào đồ h của Tần Thủy Hoàng, theo lệnh nhà Tần tiến chiếm Âu Lạc của An Dương Vương. Nên sự Việt có nghĩa là coi nước ta bị Bắc thu được từ Triệu Đà năm 207 bc. Sau đó ở bên Tào, nhà Tần bị diệt bởi nhà Hán. Triệu Đà muốn dùng nước ta để xây dựng đế nghiệp riêng cho dòng họ, ông tuyên bố ly khai chiến tranh với Tần Hán, từ Triệu Đà chiến tranh Tào. Ông đã làm theo ý muốn dân Việt thu phục và cũng từ đó ông dạy dân kỹ thuật nông nghiệp, nâng cao văn hóa, duy trì phong tục xã hội ta, nên cũng có sự Việt coi ông là anh hùng dân Việt, chính danh. Sài Gòn từ năm 1975 có đường dài lên Triệu Đà ở Chư Lư, gần trường đua ngựa Phú Thọ có đường Lữ Gia. Hiện nay dân Quảng Đông, Quảng Tây có nhiều di sản thời ông như Thập, Thánh. Từ năm từ Triệu Đà, vua Thục Phán An Dương Vương, sự Việt cũng chiến tranh bởi ông là người Tào hay Việt, nhưng vua Thục Phán luôn lo cho đời sống nhân dân Âu Lạc và chiến tranh Tào nên sự ta vẫn coi An Dương Vương là chính danh, là anh hùng dân tộc.

(11) Quốc hiệu Đệ Việt nước ta, bắt đầu có từ vua Lý Thánh Tông (1054) phong hoàng đế của vua Lý Nhân Tông. Theo chiếu dài lịch sử tên nước cũng được thay đổi vài lần. Sau khi đánh đuổi được nhà Minh, Lê Lợi tức vua Lê Thái Tổ (1428) lấy lại tên nước Đệ Việt. Thời Trần Nguyễn phân tranh quốc hiệu Đệ Việt ít dùng. Quốc hiệu Việt Nam bắt đầu có năm 1802, khi vua Gia Long đánh bại Tây Sơn thống nhất 2 miền nam bắc.

(12) Đệ nhà Chu, có sách gọi Nhà Châu (Đông Châu lịch quốc): Gồm 2 thời kỳ Tây Chu và Đông Chu

Tây Chu: Thời kỳ 11 bc đến 770 bc, kinh đô ở thành Thiểm Tây (phía Tây) gọi Tây Chu. Suốt triều đại Tây Chu, nhà Chu là Thiên Tử, vua nước mệnh mệnh chung quanh có hàng trăm nước chư hầu triều cống đóng thuế. Sau 8 thời kỳ đến lúc suy vi, để tránh áp lực chư hầu phía Tây và phía Bắc, năm 770 bc Chu Bình Vương dời đô về phía Đông, kinh đô Lạc Dương, gọi Đông Chu (chỉ dời kinh đô, lãnh thổ vẫn vậy).

Hình như chỉ có trường hợp này chỉ Châu và chỉ Chu ý nghĩa giống nhau. Các trường hợp khác, 2 chỉ Châu Chu ý nghĩa khác nhau hoàn toàn. Thí dụ sông Châu giang, Trần Châu

C_ong; không ai g_oi sông Chu giang, Trần Chu C_ong và Chu Dung C_o, Chu Hy, Chu Ân Lai; không ai g_oi Châu Dung C_o, Châu Hy, Châu Ân Lai,

(13) S_o c_o Trung Hoa và Kinh Th_o th_ong g_oi Tr_ong giang t_húc là sông D_ong T_h dài h_on 5000 km, m_ot trong vài con sông dài và có l_uu l_ung l_on nhì ba c_oa th_o gi_oi, sông ch_uy gi_oa Trung Hoa, t_h h_ong tây ra b_o Đông. Thuy_on bè l_on nh_o có th_o giao thông d_o dàng t_h bi_on ng_oc vào t_h 2000 km đ_on 3000 km.

(14) Vi_ot Th_ong n_oi đây không dính dáng n_oc Vi_ot Th_ong (Qu_ong Bình Qu_ong Tr_o) tên cũ c_oa Chiêm Thành mà s_o gia Tr_on Tr_ong Kim đ_oc p trong Vi_ot Nam S_o L_oc.

(15) S_o li_u Kinh Th_o: Ch_o “Giao Ch_o” có nghĩa 2 ngón chân cái giao nhau. V_on t_h! Nh_ong ta không c_on đ_ot n_ong, vì lúc y nhi_u b_o t_hc khác cũng có 2 ngón chân cái giao nhau và ngày nay ch_ung m_oy ng_oi Vi_ot còn có 2 chân cái giao nhau. Đi_om quan tr_ong _o Kinh Th_o: a - Giao Ch_o là b_o t_hc sinh s_ong t_h sông Hoài xuôi nam đ_on 2 bên l_uu v_oc sông D_ong T_h. b - Ng_oi Giao Ch_o và Man Di th_ong xâm mình hình th_oy quái giao long đ_o l_on xu_ong sông bi_on, thu_ong l_ung cá s_ou t_hng đ_ong lo_oi không ăn th_ot; phù h_op v_oi các đ_oi vua Hùng khuyên dân n_oc Văn Lang: Nh_ong ai làm ngh_o chài l_oi nên xâm mình.

(16) “Man di”, Kh_ong T_h ch_o l_op l_oi thói quen chung c_oa Hán t_hc. Lúc b_oy gi_o t_hc Hán th_ong xem các t_hc khác là man di, là r_o. Phía b_oc V_on Lý Tr_ong Thành là r_o H_o. Các t_hc phía nam Trung Hoa là “nam man”. Ngay Tây ph_ong cũng b_o Hán t_hc g_oi “tây di”. Qua các văn th_o g_oi tri_u đình Trung Hoa, chính các t_hc đó l_on tây ph_ong cũng t_h nh_on mình man di. Có th_o đó là “phép l_och s_o” c_oa ng_oi x_oa khi giao t_h, cũng có th_o h_o công nh_on không văn minh b_ong Hán t_hc.

Không ít ng_oi Vi_ot tr_oc 75 cũng th_o: K_o nào nói ti_ong Vi_ot không rành có da ngăm đen, b_o g_oi mán m_oi, chàvã. Tàu b_o ta g_oi chú ch_ot, tây b_o g_oi b_och qu_o, ngay M_o cũng b_o g_oi th_ong m_oo.

Khi ng_oi Trung Hoa dùng ch_o “man di” đ_o ch_o nh_ong b_o t_hc không ph_oi t_hc Hán. Có s_o gia n_oi ti_ong VN cho r_ong: “Ng_oi Hán ng_oo m_on”, nh_ong khi đ_oc p công chúa Huy_on Trần đ_oc Tr_on Kh_oc Chung c_ou thoát không b_o lên giàn h_oa _o kinh đô Đ_o Bàn, s_o gia đó vi_ot: “ng_on ng_o m_ot l_u h_oi” làm ng_oi Chiêm “gi_on” l_om. Âu, t_ht c_o ch_o là c_om xúc, lòng yêu n_oc c_oa m_ot công dân khi vi_ot s_o ho_oc ph_oc v_o ch_o đ_o hi_on h_ou. Kh_ong T_h cũng th_o, ông vi_ot Kinh Xuân Thu s_o n_oc L_o.

(22) Đòi Tàu tr ị i đ ể t ừ tiên b ằng s ố ta, ch ằng khác chi đi đòi n ề b ằng m ột nh ư gi ờ ông n ề i vi ết ta ký tên. Tr ờ c khi các ông Nghè đi s ẽ, Nguy ễn Hu ỳnh nói v ớ i qu ản th ị n ề Phú Xuân: Đòi n ề Tàu ph ải b ằng S ố Tàu.

(23) Quố n Cam Tuyố n tồ nh Cam Túc ố tây bố c Trung Hoa giố a sa mố c Goby, có Vố n Lý Trốố ng Thành trố i ngang. Trốố ng Trầồ Thành: Mố i ố n có giố c phía bố c xâm lầồ, các chồ i gắồ ố thốố ng tồố ng Trốố ng Thành đắồ trốố ng đố t ố a bố c khố i báo hiố u. Đố a danh nố y hiố n điố n nhiố u ố n trong sồ sách Trung Hoa, nhố t là thố i chiố n tranh các chố hố u và vố sau chiố n tranh vố i Mồồ Cồ. Ngày nay đố u thố kố 21, Cam Tuyố n nố i đố t bố phóng phi thuyố n Thố n Chầồ 5 vố i phi hành gia đố u tiên Trung Quố c Trung tá Dồồ ng Lố i Vố. Thành công này, sau Nga Mố; Trung Hoa là quố c gia thố 3 đố đố a đốố c ngốố i vào quố đố o trái đố t. Mố i đây tháng 9 / 2005 cũồ tồ Cam Tuyố n, Trung Quố c phóng phi thuyố n đố a 2 phi hành gia vào quố đố o thành công.

(24) Ý nghĩa chố “phong kiố n” cồ a ta và Tàu khác xa nhau hoàn toàn. Theo Tàu: Phong là phong chố c tồố c, kiố n là cồ t đố t. Trốố c thố i Tồ n Thố y Hoầồ (nhà Thốố ng, nhà Chu) Thiên tồ là vua trung ốố ng có uy quyố n mồ nh mồ nhố t, có quyố n phong chố c, cồ t đố t (tồ t nhiên có dân trên mồ nh đố t đố) cho các quan văn võ triố u đầồ, gố i là nồố c chố hố u. Nồố c chố hố u là vua mố t cồ i, có triố u đầồ riêng, “99% đố c ố p”, chố triố u cồố ng hoồ c đốồ thuố hoồ c cồ 2. Chố hố u vố n có thố phồ n ốồ n tuyên chiố n vố i Thiên Tồ trung ốố ng. Thí đố: Đố i nhà Chu: Trung Hoa có hàng trắồ chố hố u ố n nhố do các vua Chu ban cho hoồ c hố tồ xồố ng. Các chố hố u đắồ đố m nhau nhiố u trắồ năm, rố i liên kồ t nhau đắồ luôn nhà Chu, cuố i thố i Chiố n Quố c nhà Chu chố còn Ngũ Bá, Thố t Hùồ, Lố c Quố c. Đố n năm 220 trốố c tây ốồ ch Tồ n Thố y Hoầồ đắồ thốố ng tồ t cồ chố hố u ốồ n Thiên Tồ là Đồồ Chu, thốố ng nhố t Trung Hoa. Qua kinh nghiố m Nhà Chu bố tiêu điố t bố i chố hố u (chố đố phong kiố n). Tồ n Thố y Hoầồ “bắồ bố chố đố phong kiố n” có nghĩa bắồ bố chố hố u. Hoầồ Đố thu ốồ i quyố n hành vố trung ốố ng và chia nồố c Tàu thành 40 quố n trố c thuố c. Đố u này ông hy vồố ng tránh khồồ bố các chố hố u hồ p tác phồ n ốồ n. Thố c tồ ốồ ch sồ tái điố n: Sau 15 năm nhà Tồ n vố n bố điố t bố i nhà Hán.

(25) Theo ta: Phong kiố n là chố đố quân chố chuyên chố, cha truyố n con nố i. Vua càng tồ p quyố n càng phong kiố n. Song song đố o lý Khốố ng Mồ nh cũồ có phồ n bố t bình đốố ng, thêm thông tin thiố u chính xác, giáồ đố c đố o lý khồồ đắồ mố c, càng ngày tam sao thố t bố n làm quố n chúng ít hố c càng hiố u ốồ m. Qua nhiố u thố hố trồ thành “phong tồ c”: ố c chố phồ nố, trồ con và ngốố i nam làm viố c lao đốố ng vố i thu nhố p thố p.

Năm 1954 Cồ Tồố ng thốố ng Ngồ Đầồ Diồ m vố nồố c chố p chánh, thành ốồ p Đố Nhố t Cồố ng Hòa. Ông chố trốố ng: Bài Phong, Đắồ Thố c, Diố t Cồố ng. Bài Phong: Bài trố các tồ đốồ phong kiố n nêu trên.

(26) Cồ m tồ “Chắồ khách salon” xuố t xồ tồ ông Ngồ Đầồ Nhu, chố nhóm hồ n 10 chính trồ gia đố i ốồ p hồ p ố khách sồ n Caravelle sang trốố ng bố c nhố t Sài gồ n năm 1962 phồ n đố i chính quyố n

NĐĐ, trong sĐ có các ông Phan Quang Đán, Phan KhĐ c SĐ u, Phan Huy Quát, linh mĐ c HĐ Văn Vui TĐ đó cĐ m tĐ đi vào làng báo VN.

(27) ChĐ đĐ Sĩ trĐ : Làm quan đĐ phĐ c vĐ , bình trĐ nhân dân đĐĐ c tuyĐ n chĐ n tĐ giĐ i đi hĐ c, tĐ c các vĐ Đ y đã gia nhĐ p hàng ngũ quý tĐ c. ChĐ đĐ Sĩ TrĐ vẫn minh hĐ n nhiĐ u chĐ đĐ cùng thĐ i khĐ p thĐ giĐ i. kĐ cĐ Âu châu. GiĐ i quý tĐ c tây phĐĐ ng thuĐ xĐ a đĐĐ c chĐ n tĐ giĐ i nhà giàu và cha truyĐ n con nĐ i. Do đó ý nghĩa “giĐ i quý tĐ c” cĐ a đông phĐĐ ng và tây phĐĐ ng khác nhau. MĐ t bên có hĐ c, mĐ t bên có tiĐ n.

(28) Các cĐ ng đĐ ng tĐ nĐ n đang xây Đài TĐĐ ng NiĐ m 100 triĐ u NĐ n Nhân CĐ ng SĐ n tĐ i thĐ đĐ Washington.

(29) TĐ đĐ c cho phĐ nĐ : Công dung ngôn hĐ nh. Không riêng phĐ nĐ , đàn ông có luĐ t: Tam cĐĐ ng ngũ thĐĐ ng (tĐ ng cĐ ng nam có 8 điĐ u ghi nhĐ , KhĐ ng TĐ đã xĐ ép các ông “nĐ ng” hĐ n các bà 1 điĐ u, các bà chĐ có 7)

(30) TriĐ u cĐ ng! Ta triĐ u cĐ ng Tàu hàng ngàn năm...đĐ n thĐ kĐ 19 đĐ i vua TĐ ĐĐ c, khi thĐ c dân Pháp xâm lăng VN chiĐ m 3 tĐ nh miĐ n đông. BĐ ng hoà ĐĐ c năm 1862 TĐ ĐĐ c 16, vĐ ngoĐ i giao “VN chĐ liên hĐ vĐ i Pháp”. Lúc Đ y ta mĐ i hĐ t triĐ u cĐ ng Tàu. Tránh vĐ đĐ a lĐ i gĐ p vĐ đĐ a, cuĐ c đĐ i nĐĐ c nhĐĐ c tiĐ u là thĐ đĐ y.

(31) Theo “Quang Trung NguyĐ n HuĐ ” cĐ a Hoa BĐ ng: Sau khi đĐ i thĐ ng Mãn Thanh. Vua Quang Trung sai 2 ông nghề NhiĐ m, Ích và tĐĐ ng Võ Văn Dũng đi sĐ Tàu xin lĐ i đĐ t LĐĐ ng Quăng. SĐ bĐ nêu rõ mĐ c đích cĐ a vua Quang Trung: TĐ nhĐ n nĐĐ c nhĐ kiĐ m đĐ t tĐ t lĐ p kinh đô đĐ đĐĐ c “gĐ n” Thiên TĐ Trung Hoa, không đâu tĐ t bĐ ng QuĐ ng Đông QuĐ ng Tây. NguyĐ n HuĐ muĐ n phô bày lòng “trung thành” vĐ i hoàng đĐ Trung Hoa trong thĐ “liên minh thĐ n phĐ c”. Ai dám bĐ o Quang Trung hèn? ThĐ c chĐ t ai cũng biĐ t kĐ cĐ vua Càn Long: Vua Quang Trung muĐ n mĐĐ n cĐ đĐ lĐ y lĐ i phĐ n nào đĐ t tĐ tiên đã bĐ mĐ t tĐ 20 thĐ kĐ trĐĐ c.

Khâm phĐ c thay thâm thúy ngĐĐ i xĐ a.

Các nĐĐ c Lão qua (Lào), Chiêm Thành, Chân LĐ p (thĐ i nhà NguyĐ n) cũng là các “Liên minh

T_h Ngũ Kinh

T_h Gi_h: H_h Quý Ch_h ng

Th_h 13; T_h 432; 09 Th_h 2 N_h 2011 22:27

th_h n ph_h c” Đ_h i Vi_h t. Vua Đ_h i Vi_h t nh_h n tri_h u c_h ng, nên khi h_h có n_h i lo_h n, chi_h n tranh, các vua ta th_h ng xen vào n_h i b_h chính tr_h c_h a h_h và nh_h t là ki_h m c_h gây chi_h n khi h_h không tri_h u c_h ng.

H_h Quý Ch_h ng

C_h u h_h c sinh Trung h_h c Petrus Ký Sài gòn